

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH  
TRƯỜNG MẦM NON 17

---

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH  
TRƯỜNG MẦM NON 17

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên             | Chức danh, chức vụ                       | Nhiệm vụ              | Chữ ký |
|----|-----------------------|------------------------------------------|-----------------------|--------|
| 1  | Phạm Thị Ngọc Lan     | Hiệu trưởng                              | Chủ tịch hội đồng     |        |
| 2  | Nguyễn Thị Thanh Vinh | Phó Hiệu trưởng                          | Phó Chủ tịch hội đồng |        |
| 3  | Ngô Thị Diệu Anh      | Chủ tịch công đoàn                       | Thư ký hội đồng       |        |
| 4  | Lê Ngọc Thu Hà        | Bí thư chi đoàn                          | Ủy viên hội đồng      |        |
| 5  | Lưu Ngọc Tiên         | Tổ trưởng chuyên môn nhóm nhà trẻ        | Ủy viên hội đồng      |        |
| 6  | Phạm Thị Kim Phụng    | Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo 4 – 5 tuổi | Ủy viên hội đồng      |        |
| 7  | Nguyễn Thị Hạnh       | Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo 5 – 6 tuổi | Ủy viên hội đồng      |        |
| 8  | Phạm Thị Thùy Trâm    | Tổ trưởng tổ văn phòng                   | Ủy viên hội đồng      |        |
| 9  | Huỳnh Thị Anh Đào     | Kế toán                                  | Ủy viên hội đồng      |        |

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                       | Trang |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                                                        | 1     |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                              | 3     |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                   | 5     |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                    | 11    |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                           | 11    |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                          | 14    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                             | 14    |
| Mở đầu                                                                                         | 14    |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.                      | 15    |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. | 18    |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.   | 20    |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.                     | 24    |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.                                                | 27    |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.                                        | 29    |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.                                          | 32    |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.                                                  | 33    |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.                                                 | 36    |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.                                    | 37    |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>                                                                | 40    |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.</b>                                     | 42    |
| Mở đầu                                                                                         | 42    |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.                                            | 42    |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.                                                               | 44    |

|                                                                                                       |        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.                                                                      | 48     |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>                                                                       | 51     |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.</b>                                              | 51     |
| Mở đầu                                                                                                | 51     |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.                                                      | 52     |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.                        | 55     |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính quản trị.                                                         | 57     |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.                                                                  | 60     |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.                                                             | 62     |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.                                                   | 64     |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>                                                                       | 66     |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.</b>                                     | 67     |
| Mở đầu                                                                                                | 67     |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.                                                                | 68     |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường. | 70     |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>                                                                       | 72     |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.</b>                         | 73     |
| Mở đầu                                                                                                | 73     |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non.                                                | 73     |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.                                 | 77     |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.                                                | 79     |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.                                                                       | 83     |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>                                                                       | 86     |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                       | 87     |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                                                                               | 1 - 15 |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.2            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.3            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.4            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.5            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.6            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.7            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.8            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.9            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.10           |           | X     | X     | -     |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 2.2            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 2.3            |           | X     | X     | -     |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 3.2            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 3.3            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 3.4            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 3.5            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 3.6            |           | X     | X     | -     |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 4.1            |           | X     | X     | -     |

|                     |  |   |   |   |
|---------------------|--|---|---|---|
| Tiêu chí 4.2        |  | X | X | - |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> |  |   |   |   |
| Tiêu chí 5.1        |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.2        |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.3        |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.4        |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 2**

## PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 17.

Tên trước đây (nếu có): Trường Mầm non 17.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh - Phòng Giáo dục và Đào tạo

|                                                        |                       |                                    |                                                                               |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Tỉnh/thành phố<br>trực thuộc Trung<br>ương             | Hồ Chí<br>Minh        | Họ và tên<br>hiệu trưởng           | Phạm Thị Ngọc Lan                                                             |
| Huyện/quận /thị<br>xã / thành phố                      | quận<br>Bình<br>Thạnh | Điện thoại                         | 028.38996783                                                                  |
| Xã / phường/thị<br>trấn                                | Phường<br>17          | Fax                                | Không                                                                         |
| Đạt chuẩn quốc<br>gia                                  | Mức độ<br>1           | Website                            | <a href="http://mn17binhthanh.hcm.edu.vn">http://mn17binhthanh.hcm.edu.vn</a> |
| Năm thành lập<br>trường (theo quyết<br>định thành lập) | 1997                  | Số điểm<br>trường                  | 03                                                                            |
| Công lập                                               | X                     | Loại hình<br>khác                  | Không                                                                         |
| Tư thực                                                | Không                 | Thuộc vùng<br>khó khăn             | Không                                                                         |
| Dân lập                                                | Không                 | Thuộc vùng<br>đặc biệt khó<br>khăn | Không                                                                         |
| Trường liên kết<br>với nước ngoài                      | Không                 |                                    |                                                                               |

### 1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

| Số nhóm, lớp                     | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019 - 2020 | Năm học<br>2020-2021 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi  | 00                   | 00                   | 00                   | 00                     | 00                   |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 02                   | 02                   | 02                   | 02                     | 00                   |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 03                   | 03                   | 02                   | 02                     | 00                   |
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi         | 03                   | 03                   | 03                   | 03                     | 02                   |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi         | 03                   | 03                   | 03                   | 03                     | 02                   |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi         | 03                   | 03                   | 03                   | 03                     | 02                   |
| <b>Cộng</b>                      | <b>14</b>            | <b>14</b>            | <b>13</b>            | <b>13</b>              | <b>06</b>            |

### 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT        | Số liệu                           | Năm học<br>2016 -2017 | Năm học<br>2017 -2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------|
| <b>I</b>  | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | <b>14</b>             | <b>14</b>             | <b>14</b>            | <b>14</b>            | <b>06</b>            |         |
| 1         | Phòng kiên cố                     | 14                    | 14                    | 14                   | 14                   | 05                   |         |
| 2         | Phòng bán kiên cố                 | 00                    | 00                    | 00                   | 00                   | 00                   |         |
| 3         | Phòng tạm                         | 00                    | 00                    | 00                   | 00                   | 01                   |         |
| <b>II</b> | Khối phòng phục vụ học tập        | <b>02</b>             | <b>02</b>             | <b>02</b>            | <b>02</b>            | <b>00</b>            |         |



|            |                                |           |           |           |           |           |  |
|------------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|
| 1          | Phòng kiên cố                  | 02        | 02        | 02        | 02        | 00        |  |
| 2          | Phòng bán kiên cố              | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| 3          | Phòng tạm                      | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| <b>III</b> | Khối phòng hành chính quản trị | <b>01</b> | <b>01</b> | <b>01</b> | <b>01</b> | <b>00</b> |  |
| 1          | Phòng kiên cố                  | 01        | 01        | 01        | 01        | 00        |  |
| 2          | Phòng bán kiên cố              | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| 3          | Phòng tạm                      | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| <b>IV</b>  | Khối phòng tổ chức ăn          | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
|            | Các phòng khác (nếu có)        | <b>06</b> | <b>06</b> | <b>06</b> | <b>06</b> | <b>02</b> |  |
|            | <b>Cộng</b>                    | 23        | 23        | 23        | 23        | 08        |  |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 01 năm 2022

|                 | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo |           |            | Ghi chú |
|-----------------|---------|----|---------|------------------|-----------|------------|---------|
|                 |         |    |         | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |         |
| Hiệu trưởng     | 01      | 01 | Kinh    | 00               | 00        | 01         |         |
| Phó hiệu trưởng | 01      | 01 | Kinh    | 00               | 00        | 01         |         |
| Giáo viên       | 24      | 24 | Kinh    | 02               | 01        | 21         |         |
| Nhân viên       | 09      | 07 | Kinh    | 07               | 02        | 00         |         |
| <b>Cộng</b>     | 35      | 33 | Kinh    | 09               | 03        | 23         |         |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| TT | Số liệu                                                                | Năm học<br>2016 - 2017 | Năm học<br>2017 - 2018 | Năm học<br>2018 - 2019 | Năm học<br>2019 - 2020 | Năm học<br>2020 - 2021 |
|----|------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 1  | Tổng số giáo viên                                                      | 28                     | 27                     | 28                     | 27                     | 27                     |
| 2  | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)                             | 87/10 = 8.7            | 80/9 = 8.9             | 77/10 = 7.7            | 59/10 = 5.9            | 00                     |
| 3  | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)    | 00                     | 00                     | 00                     | 00                     | 00                     |
| 4  | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)        | 310/18 = 17.2          | 290/18 = 16.1          | 279/18 = 16            | 238/17 = 14            | 175/27 = 6.5           |
| 5  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 04                     | 03                     | 01                     | 03                     | 04                     |
| 6  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)                   | 00                     | 00                     | 00                     | 00                     | 00                     |
| 7  | Các số liệu khác (nếu có)                                              | 00                     | 00                     | 00                     | 00                     | 00                     |

#### 4. Trẻ em

a) Số liệu chung:

| TT | Số liệu                             | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017 – 2018 | Năm học<br>2018 - 2019 | Năm học<br>2019 - 2020 | Năm học<br>2020 - 2021 | Ghi<br>chú |
|----|-------------------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------|
| 1  | Tổng số trẻ em                      | 397                  | 370                    | 356                    | 297                    | 175                    |            |
|    | - Nữ                                | 192                  | 174                    | 170                    | 147                    | 85                     |            |
|    | - Dân tộc thiểu<br>số               | 02                   | 02                     | 03                     | 02                     | 02                     |            |
| 2  | Đối tượng chính<br>sách             | 00                   | 00                     | 00                     | 02                     | 01                     |            |
| 3  | Khuyết tật                          | 00                   | 00                     | 00                     | 00                     | 00                     |            |
| 4  | Tuyển mới                           | 118                  | 118                    | 125                    | 87                     | 21                     |            |
| 5  | Học 2 buổi/ngày                     | 00                   | 00                     | 00                     | 00                     | 00                     |            |
| 6  | Bán trú                             | 397                  | 370                    | 356                    | 297                    | 175                    |            |
| 7  | Tỉ lệ trẻ em/lớp                    | 310/9                | 290/9                  | 279/9                  | 238/9                  | 175/6                  |            |
| 8  | Tỉ lệ trẻ em/nhóm                   | 87/5                 | 80/5                   | 77/5                   | 59/4                   | 00                     |            |
| 9  | - Trẻ em từ 03<br>đến 12 tháng tuổi | 00                   | 00                     | 00                     | 00                     | 00                     |            |
|    | - Trẻ em từ 13<br>đến 24 tháng tuổi | 29                   | 27                     | 28                     | 20                     | 00                     |            |
|    | - Trẻ em từ 25<br>đến 36 tháng tuổi | 58                   | 50                     | 49                     | 39                     | 00                     |            |
|    | - Trẻ em từ 3-4<br>tuổi             | 84                   | 88                     | 80                     | 59                     | 49                     |            |
|    | - Trẻ em từ 4-5<br>tuổi             | 107                  | 92                     | 97                     | 87                     | 58                     |            |

|    |                           |     |     |     |    |    |  |
|----|---------------------------|-----|-----|-----|----|----|--|
|    | - Trẻ em từ 5-6 tuổi      | 119 | 110 | 102 | 92 | 68 |  |
| 10 | Các số liệu khác (nếu có) | 00  | 00  | 00  | 00 | 00 |  |

5. Các số liệu khác (nếu có): không có

## **PHẦN II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường:**

Trường Mầm non 17 trước đây gồm 02 Trường Măng non 17 và Hoa Phượng 17. Năm 1997 hai trường sáp nhập thành Trường Mầm non 17 theo Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 1997 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp. Trường có 03 điểm học Điểm 01 đặt tại số 230 Điện Biên Phủ; Điểm 02 số 119 Xô Viết Nghệ Tĩnh và Điểm 3 số 227/1 Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Tháng 10 năm 2020, trường được quy hoạch xây dựng mới tại số 230 Điện Biên Phủ và đưa vào hoạt động vào tháng 02 năm 2022 trên nền đất kiên cố với tổng diện tích đất là 1,435,7 m<sup>2</sup>, gồm 03 tầng. Trong đó, có 17 phòng học, 02 phòng chức năng, 01 phòng hội trường, 01 phòng y tế, 01 phòng giặt, 01 nhà bếp, 04 văn phòng, với tổng kinh phí xây dựng là 25.213.350.187 đồng do nguồn vốn Ngân sách Thành phố cấp.

Khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, có tường rào bao quanh với sân chơi, các phòng chức năng, có đủ đồ dùng, trang thiết bị theo đúng danh mục đồ dùng đồ chơi của Bộ Giáo dục và Đào tạo phục vụ cho hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.

Trong những năm qua, Trường Mầm non 17 đã có nhiều nỗ lực đầu tư nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, tạo được uy tín đối với lãnh đạo, chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ. Nhà trường đã xây dựng đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng nâng cao và được cha mẹ trẻ tin nhiệm.

Nhà trường có Chi bộ độc lập trực thuộc Đảng bộ Phường 17, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Đại diện cha mẹ trẻ đều hoạt động tích cực, phối hợp chặt chẽ trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, đồng thời luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo giúp cho Trường Mầm non 17 ngày càng phát triển, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

Trong giai đoạn hiện nay, với xu hướng hội nhập quốc tế, đòi hỏi mỗi cơ sở giáo dục phải xác định cụ thể các tiêu chí phấn đấu, nhằm đảm bảo yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục. Trường Mầm non 17 tự xem xét, kiểm tra, dựa trên nguyên tắc độc lập, khách quan và đánh giá trung thực, công khai, minh bạch nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ, thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

## 2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

Giúp cho nhà trường xác định được mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước, xã hội về thực trạng giáo dục của nhà trường để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## 3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non 17 thực hiện quá trình tự đánh giá như sau:

Ngày 01 tháng 6 năm 2021: Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá theo quy định tại

khoản 2 Điều 24 của Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 25 của Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021: Lập kế hoạch tự đánh giá, phổ biến kế hoạch tự đánh giá, phân công tổ chức tập huấn nghiệp vụ trong hội đồng tự đánh giá và toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Chủ tịch hội đồng tự đánh giá phân công, giao trách nhiệm cho từng thành viên trong nhóm thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng đồng thời thảo luận về những vấn đề nảy sinh trong quá trình xử lý các minh chứng để bổ sung kịp thời.

Tháng 8 năm 2021: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Thực hiện đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí để có cái nhìn tổng thể báo cáo tự đánh giá của trường đạt được mức nào.

Tháng 9 năm 2021: Thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung; các vấn đề liên quan hoạt động tự đánh giá.

Các nhóm chuyên trách - cá nhân báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng tự đánh giá.

Các nhóm chuyên trách - cá nhân chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng).

Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung.

Dự thảo báo cáo Tự đánh giá.

Tháng 10 năm 2021: Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung liên quan.

Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Thông qua báo cáo đã chỉnh sửa bổ sung đã sửa chữa.

Công bố dự thảo báo cáo Tự đánh giá trong nội bộ nhà trường.

Thu thập các ý kiến đóng góp.

Bổ sung hoàn thiện báo cáo sau khi có các ý kiến đóng góp.

Đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021:

Công bố báo cáo tự đánh giá.

Chủ tịch hội đồng công bố báo cáo tự đánh giá vào cuộc họp hội đồng sư phạm.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021: triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá của nhà trường, yêu cầu tất cả các bộ phận, cá nhân của trường phối hợp thực hiện: thu thập minh chứng, rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Qua hoạt động tự đánh giá, các bộ phận đã đối chiếu nhiệm vụ thực hiện với từng tiêu chí đã đặt ra. Từ đó, nhà trường thấy được những mặt thực hiện tốt và những điểm hạn chế theo từng tiêu chí, có kế hoạch cải tiến nâng chất lượng cho những năm tiếp theo.

Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Gửi báo cáo tự đánh giá cho Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo công văn đề nghị được quan tâm, hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng theo kế hoạch cải tiến chất lượng đã nêu trong báo cáo tự đánh giá. Cập nhật, bổ sung báo cáo tự đánh giá và thực hiện lưu trữ hồ sơ tại trường.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **Mở đầu:**

Trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non và quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chức năng và nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường đều được thể chế hóa bằng văn bản và được triển khai thực hiện nghiêm túc; các



đoàn thể luôn chủ động và hoạt động đạt hiệu quả. Trường Mầm non 17 thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2019 - 2025, cụ thể, phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục: nhằm giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc

học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quận Bình Thạnh là “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, trách nhiệm nêu gương của đảng viên, cán bộ, nhất là người đứng đầu; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giữ vững kỷ luật, kỷ cương, phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, nghĩa tình; huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường sống tốt cho người dân, xây dựng quận Bình Thạnh phát triển bền vững” và phù hợp với nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính của nhà trường. Trường có xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển của Trường Mầm non 17 giai đoạn 2019 – 2025 trong đó ưu tiên: đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá trẻ theo hướng phát huy tính tích cực; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tăng cường công tác đầu tư cơ sở vật chất nhà trường; thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và dạy học nhằm hướng đến xây dựng và phát triển Trường Mầm non 17 trở thành một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng, là trung tâm văn hóa để giáo viên và trẻ luôn có khát vọng vươn lên [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2019 - 2025, được xây dựng bằng văn bản, được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh ký duyệt vào ngày 20 tháng 9 năm 2021 và được triển khai thực hiện trong những năm qua [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2019 - 2025, được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử, tuyên truyền ở bảng tin của nhà trường [H1-1.1-02].

## Mức 2:

Nhà trường có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển trong từng năm học như: xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H1-1.1-03]; xây dựng kế hoạch năm học; kế hoạch chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của đội ngũ; sự phát triển của trẻ theo từng lĩnh vực.

Hằng tháng, hằng quý, học kỳ nhà trường đều tiến hành giám sát thông qua các buổi họp, qua các báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục đã xây dựng [H1-1.1-04].

Mức 3:

Trong từng năm học các thành viên trong Hội đồng nhà trường thường xuyên rà soát định kỳ họp 02 lần trong 01 năm, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch phát triển giáo dục từ đó đề ra các giải pháp cụ thể công khai với tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-05].

Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ. Tuy nhiên, phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia của cộng đồng.

## **2. Điểm mạnh**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2019 - 2025 của Trường Mầm non 17 bám sát mục tiêu chung của bậc học mầm non và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận phê duyệt. Định kỳ hằng năm thực hiện tốt việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh và công bố niêm yết công khai trong toàn trường.

## **3. Điểm yếu**

Cộng đồng ở địa phương chưa tham gia vào xây dựng chiến lược phát triển cho nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 7 năm 2022, căn cứ tình hình thực tế đơn vị và ý kiến đóng góp của Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ, lãnh đạo trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển của đơn vị vào cuối mỗi năm học. Hiệu trưởng tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 17 để mời lãnh đạo địa phương và Hội đồng giáo dục phường phối hợp cùng tập thể nhà trường tham gia các buổi họp rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng chiến lược và có ý kiến đóng góp cho kế hoạch phương hướng chiến lược của nhà trường.

Hiệu trưởng tiếp tục báo cáo việc thực hiện phương hướng chiến lược của

nhà trường tại Đại hội đại biểu cha mẹ trẻ và trong các buổi họp Ban đại diện cha mẹ trẻ, qua đó lấy ý kiến đóng góp của cha mẹ trẻ về việc thực hiện phương hướng chiến lược của nhà trường.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non 17 có hội đồng trường được thành lập đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các thành viên trong đó có 01 thành viên đại diện Phường 17, 01 thành viên là Trưởng ban đại diện cha mẹ trẻ [H1-1.2-01]. Ngoài ra nhà trường còn có các hội đồng khác do hiệu trưởng ra quyết định thành lập vào đầu năm học như: Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng xét công nhận sáng kiến; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

b) Các hội đồng thực hiện đầy đủ các hoạt động đúng quy định để đáp ứng hoạt động thực tiễn của nhà trường. Thông qua các cuộc họp Hội đồng trường quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục. Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng xét công nhận sáng kiến xây dựng các nội dung khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo từng học kỳ, năm học. Hội đồng chấm thi

giáo viên giỏi cấp trường dự giờ các hoạt động học, giờ chơi và giờ ăn được quy định trong Chương trình giáo dục mầm non, có tác dụng giáo dục, khuyến khích động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, rút kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại Điều 9 Điều lệ trường mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo): hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp của hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định [H1-1.2-01]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá vào cuối học kỳ và cuối năm học kết quả thực hiện thông qua các buổi họp của nhà trường [H1-1.2-03]. Tuy nhiên, hội đồng thi đua khen thưởng chưa đánh giá khen thưởng kịp thời những cá nhân có thành tích nổi bật trong hoạt động của trường.

#### Mức 2:

Các hội đồng trong nhà trường thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao: Hội đồng trường đã quyết nghị mục tiêu, chiến lược, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nội quy, quy chế của đơn vị, việc sử dụng tài chính, tài sản, việc thực hiện quy chế dân chủ và thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động trong nhà trường [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng đã phát động phong trào thi đua trong đơn vị, bình xét thi đua 02 lần/năm học vào học kỳ I và cuối năm, đề xuất khen thưởng cấp quận, thành phố và cấp cao cho tập thể và các cá nhân [H1-1.2-04]; Hội đồng chấm sáng kiến đã định hướng cho các cá nhân thực hiện sáng kiến, giải pháp; kiểm tra, đôn đốc viết sáng kiến, giải pháp; Xét công nhận các sáng kiến, giải pháp cấp trường và thực hiện hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến quận, thành phố [H1-1.2-05]. Tuy nhiên có 01 thành viên trong hội đồng chấm sáng kiến còn hạn chế về kỹ năng tư vấn.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non và đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

### 3. Điểm yếu

Thành viên trong hội đồng chấm sáng kiến còn hạn chế về kỹ năng tư vấn và phân tích vấn đề.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng thực hiện đúng theo qui định về duy trì hoạt động của Hội đồng trường, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên, định hướng và đưa ra những vướng mắc, khó khăn cụ thể của nhà trường trong từng hoạt động để các thành viên trong hội đồng phát huy hết năng lực của mình. Các thành viên trong Hội đồng chấm thi tay nghề tham mưu, đề xuất kịp thời với hiệu trưởng để có chế độ khen thưởng kịp thời với giáo viên, nhân viên có thành tích nổi bật trong các hoạt động và trong công tác giảng dạy.

Chủ tịch hội đồng tổ chức họp hội đồng sáng kiến vào tháng 3 hằng năm để hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, cách xét duyệt sáng kiến có chất lượng cho các thành viên trong hội đồng.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng*

*sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các tổ chức đoàn thể: Công đoàn cơ sở gồm 34 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 10 đoàn viên trực thuộc Đoàn Phường 17 quận Bình Thạnh [H1-1.3-02]. Ngoài ra, trường còn có các tổ chức xã hội khác như: Hội Khuyến học [H1-1.3-03]; Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo quy định như: thực hiện đúng nghị quyết, theo điều lệ đã đề ra trong từng năm học, nhiệm kỳ, trên cơ sở tự nguyện, theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Làm tốt chức năng, nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên, tham gia hiệu quả vào công tác quản lý trong nhà trường theo đúng Điều lệ Công đoàn Việt Nam đã quy định nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]. Tuy nhiên, Công đoàn cơ sở chưa tham gia nhiều các phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động.

c) Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường luôn được rà soát, đánh giá vào tháng 5 của năm học. Qua đó có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức xã hội giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Mầm non 17 có 14 đảng viên đạt tỷ lệ 41%, đây là lực lượng nòng cốt lãnh đạo các hoạt động trong nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả cao; Chi bộ trường hoạt động theo quy chế, nghị quyết dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Phường 17. Trong 05 năm qua Chi bộ được đánh giá như

sau: [H1-1.3-05].

| <b>Chi bộ</b>           | <b>Năm 2016</b>      | <b>Năm 2017</b>      | <b>Năm 2018</b>         | <b>Năm 2019</b>         | <b>Năm 2020</b>         |
|-------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Kết quả đánh giá</b> | Trong sạch vững mạnh | Trong sạch vững mạnh | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ |

b) Công đoàn cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến toàn thể công đoàn viên thông qua các buổi họp Hội đồng nhà trường hằng tháng, các buổi họp sinh hoạt tổ công đoàn. Năm 2021, Công đoàn tham gia hội thi viết bài: “Nghĩa tình mùa dịch” và “Đảm bảo giờ nào việc nấy, đảm bảo hiệu quả trong công việc” [H1-1.3-01]. Công đoàn đạt “Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” nhiều năm liền. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiều năm liền đạt Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn tham gia tốt các hoạt động do Đoàn Phường 17 phát động như “Ngày Chủ nhật xanh”, tham gia hỗ trợ test Covid cộng đồng, cập nhật dữ liệu tiêm ngừa tại Ủy ban nhân dân Phường 17 [H1-1.3-02]. Chi hội Chữ thập đỏ vận động từ 01-03 hội viên tham gia hiến máu nhân đạo tình nguyện. Chi hội Khuyến học thực hiện xây dựng quỹ “Tiết kiệm nuôi heo đất khuyến học”. Các đoàn thể và chi hội khuyến học, chi hội chữ thập đỏ đã có nhiều hoạt động tích cực, hiệu quả góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhà trường [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

### Mức 3:

a) Năm 2016 đến năm 2017 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh; từ năm 2018 đến năm 2021 chi bộ đạt chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, các tổ chức khác cũng đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động, phong trào của nhà trường và mang lại nhiều thành tích, danh hiệu đáng khích lệ, thúc đẩy hoạt động của nhà trường ngày một hiệu quả hơn như: Công đoàn đóng góp các loại quỹ xã hội, chăm lo cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn vùng sâu, vùng xa [H1-1.3-01]; Chi đoàn thực hiện tốt công trình Thanh niên “thăm và tặng quà cho người già neo đơn” [H1-1.3-02]; Chi hội Khuyến học thực hiện hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài tổ chức vận động các hội viên



tặng quà cho mái ấm tình thương tại quận Gò Vấp và tặng quà các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong đợt dịch Covid 19 [H1-1.3-03]; Chi hội Chữ thập đỏ thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; hiến máu nhân đạo, tuyên truyền vận động hội viên tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện [H1-1.3-04].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non; thực hiện quản lý, tổ chức các hoạt động của nhà trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận. Chi bộ lãnh đạo các đoàn thể trong nhà trường nhiều năm liền hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## **3. Điểm yếu**

Công đoàn cơ sở chưa tham gia nhiều các phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng phối hợp với Chủ tịch công đoàn tạo điều kiện cho công đoàn cơ sở tham gia thêm nhiều hoạt động, phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.***

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non 17 là trường hạng I, có 01 hiệu trưởng [H1-1.4-01], 01 phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục [H1-1.4-02] theo Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non.

b) Nhằm thể chế hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên đạt hiệu quả, trường đã thành lập 05 tổ chuyên môn gồm: 1 tổ nhà trẻ (07 thành viên); 01 tổ mẫu giáo 3-4 tuổi (04 thành viên); 01 tổ mẫu giáo 4-5 tuổi (06 thành viên); 01 tổ mẫu giáo 5-6 tuổi (07 thành viên); 01 tổ nhân viên nấu ăn (4 thành viên); tổ văn phòng gồm nhân viên y tế, văn thư, kế toán, bảo vệ, phục vụ [H1-1.4-04]. Mỗi tổ chuyên môn được phân công 01 tổ trưởng phụ trách theo quyết định phân công của hiệu trưởng [H1-1.4-05].

c) Các tổ chuyên môn thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Hằng tháng, tổ chuyên môn họp định kỳ 02 lần/tháng: Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên [H1-1.4-07]; Các thành viên của tổ chuyên môn và tổ văn phòng tham gia đánh giá, xếp loại hằng năm [H1-1.4-08]. Tổ văn phòng họp định kỳ 01 lần/tháng giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.4-09]. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt của các tổ

chuyên môn chưa đa dạng, phong phú.

#### Mức 2:

a) Hằng năm, phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và các tổ trưởng chuyên môn được tham dự các lớp tập huấn chuyên đề do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức. Các tổ chuyên môn căn cứ trên kế hoạch xây dựng chuyên đề trọng tâm của trường đề xuất và thực hiện 01 chuyên đề cho giáo viên học tập nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ như: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, “Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội”, “Giáo dục kỹ năng sống”, “giáo dục giới tính cho trẻ từ 03 tuổi đến 05 tuổi”, “Đổi mới hoạt động tạo hình”, “Đổi mới hoạt động làm quen chữ viết”, “Đổi mới phát triển ngôn ngữ”, “Tổ chức giờ ăn cho trẻ mầm non”, “Thao tác chế biến món ăn cho trẻ” [H1-1.4-10].

b) Các tổ chuyên môn họp định kỳ 02 lần 01 tháng, tổ văn phòng họp định kỳ 01 lần 01 tháng, để kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục [H1-1.4-09]; [H1-1.4-11]. Tuy nhiên, nội dung họp của tổ văn phòng chưa cụ thể và chưa xoay vào trọng tâm.

#### Mức 3:

a) Qua các buổi họp của tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các thành viên trong tổ đưa ra các biện pháp trong việc thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, 01 giáo viên tổ nhà trẻ và 02 nhân viên tổ văn phòng chưa đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1.4-09].

b) Các thành viên trong tổ chuyên môn có đầu tư tiết học và hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ cụ thể: Năm học 2020 – 2021, nhà trường thực hiện chuyên đề: “xây dựng các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm” tại lớp Chồi 2 kết quả đạt tốt, thực hiện chuyên đề: “giáo dục giới tính” tại lớp Chồi 1 và Lá 1 đạt tốt; thực hiện chuyên đề: “tổ chức bữa ăn gia

đình” cho trẻ Lá 2 đạt tốt [H1-1.4-10].

## **2. Điểm mạnh**

Cơ cấu tổ chức của nhà trường đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động của nhà trường, đặc biệt là chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị.

## **3. Điểm yếu**

Nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ chưa đa dạng, phong phú.

Tổ văn phòng nội dung họp chưa cụ thể và chưa xoáy vào trọng tâm.

01 giáo viên tổ nhà trẻ, 02 nhân viên tổ văn phòng chưa đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp. nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 02 năm 2022, Hiệu trưởng phân công Phó hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn, tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng, tuần; tổ chức sinh hoạt theo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Hiệu trưởng dự sinh hoạt chuyên môn tại tổ văn phòng và bồi dưỡng nhân viên tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ được giao, hướng dẫn tổ trưởng tổ văn phòng kỹ năng, bồi dưỡng nghiệp vụ cho từng thành viên trong tổ; khuyến khích các thành viên trong tổ mạnh dạn đề xuất ý kiến và các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng nội dung sinh hoạt tổ.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

## 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tính đến tháng 02 năm 2022 số trẻ toàn trường là 187 trẻ được phân chia thành 12 nhóm lớp: 01 nhóm chồi (13-18 tháng); 01 nhóm còm nát (19-24 tháng); 02 nhóm còm thường (25-36 tháng); 02 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi; 2 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; 02 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ trường mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.5-01].

b) 100% các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của trường được tổ chức học 02 buổi/ngày [H1-1.5-01].

c) Trong 5 năm học vừa qua trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

Mức 2:

Năm học 2021-2022, nhà trường nhận trẻ theo đúng kế hoạch tuyển sinh nhưng do ảnh hưởng dịch bệnh nên số lượng trẻ đến trường còn thấp so với chỉ tiêu tuyển sinh; 100% trẻ tại trường được phân chia vào các lớp phù hợp theo độ tuổi [H1-1.5-01]. Tuy nhiên, số lượng trẻ ở các nhóm, lớp chưa đủ theo quy định Điều lệ trường mầm non.

| Nhóm, lớp                  | Số trẻ thực tế | Số trẻ theo Điều lệ |
|----------------------------|----------------|---------------------|
| Chồi (13-18 tháng)         | 03             | 15                  |
| Còm nát (19-24 tháng)      | 11             | 20                  |
| Còm thường 1 (25-36 tháng) | 11             | 25                  |

|                            |    |    |
|----------------------------|----|----|
| Cơm thường 2 (25-36 tháng) | 10 | 25 |
| Mầm 1 (3-4 tuổi)           | 18 | 25 |
| Mầm 2 (3-4 tuổi)           | 17 | 25 |
| Chồi 1 (4-5 tuổi)          | 19 | 30 |
| Chồi 2 (4-5 tuổi)          | 18 | 30 |
| Chồi 3 (4-5 tuổi)          | 19 | 30 |
| Lá 1 (5-6 tuổi)            | 22 | 35 |
| Lá 2 (5-6 tuổi)            | 21 | 35 |
| Lá 3 (5-6 tuổi)            | 18 | 35 |

Mức 3:

Hiện tại nhà trường có tổng 04 nhóm nhà trẻ, 08 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

## **2. Điểm mạnh**

Trẻ được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

## **3. Điểm yếu**

Số trẻ ở các nhóm, lớp chưa đủ theo qui định so với Điều lệ trường mầm non.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng thực hiện đúng chỉ tiêu tuyển sinh, nhận và phân chia trẻ đúng độ tuổi theo quy định nhằm đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ được tốt nhất. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục phối hợp Hội đồng giáo dục Phường 17 thông tin rộng rãi đến người dân trên địa bàn kế hoạch tuyển sinh của trường nhằm huy động thêm trẻ các lứa tuổi ra lớp vào tháng 01 và tháng 8 hằng năm.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tất cả hồ sơ, chứng từ tài sản, tài chính được quản lý, lưu trữ đầy đủ bằng văn bản tại trường theo Thông tư 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ về quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức [H1-1.6-01]. Hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo đúng quy định của Luật lưu trữ gồm: Hồ sơ quản lý tài chính – tài sản [H1-1.6-02]; hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.4-04]; hồ sơ quản lý chuyên môn [H1-1.4-05]; hồ sơ quản lý cơ sở vật chất [H1-1.6-03]. Các hồ sơ luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, đảm bảo tính kế thừa, tính thống nhất.

b) Hằng năm, vào tháng 12 kế toán tham mưu hiệu trưởng lập dự toán ngân sách cho năm tiếp theo trình Phòng Tài chính - Kế hoạch và Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh phê duyệt, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng theo quy định. Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên văn thư thực hiện công khai cơ sở vật chất, công khai đội ngũ, công khai tài chính, công khai chất lượng giáo dục với tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ trên cổng thông tin điện tử, trên bản tin của trường và công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với quy định

thực tế và các quy định hiện hành, thực hiện hồ sơ nghị quyết 03 hằng quý theo quy định [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]. Nhà trường thực hiện kiểm tra định kỳ tài chính, tài sản theo quy định.

c) Hiệu trưởng quản lý, chỉ đạo nhân viên kế toán sử dụng tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích và đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Thực hiện công tác kiểm kê tài sản hằng năm, có kế hoạch từng bước trang bị, mua sắm trang thiết bị trong danh mục và ngoài danh mục để bổ sung kịp thời nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục [H1-1.6-03]; [H1-1.6-07];

Giáo viên, nhân viên giữ gìn và bảo quản tốt tài sản trường, lớp, phòng làm việc nhằm phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-06];

#### Mức 2:

a) Cán bộ quản lý có ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: cổng thông tin điện tử, phần mềm Imas, SSC, ePmis, phần mềm Sở nội vụ [H1-1.6-08]. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ thông tin về thu học phí không dùng tiền mặt chưa thực hiện sâu rộng đối với cha mẹ trẻ.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định của tài chính [H1-1.6-06].

#### Mức 3:

Hiệu trưởng có kế hoạch ngắn hạn hằng tháng, trung hạn hằng năm và dài hạn 05 năm để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế của địa phương được lồng ghép vào kế hoạch năm, tháng của nhà trường và các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04] để tạo ra các nguồn quỹ như: quỹ phát triển sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng; huy động các tổ chức, cá nhân xây dựng nguồn tài trợ giáo dục để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường quản lý tốt hành chính, tài chính, tài sản theo quy định.

### **3. Điểm yếu**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin về thu học phí không dùng tiền mặt



chưa thực hiện sâu rộng đối với cha mẹ trẻ.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 02 năm 2022, hiệu trưởng chỉ đạo kế toán liên hệ với ngân hàng Sacombank triển khai thực hiện thu học phí và các khoản thu khác không sử dụng tiền mặt bắt đầu từ tháng 3 năm 2022. Tuyên truyền và phát tờ bướm cho mẹ trẻ nắm các bước chuyển khoản.

Cán bộ quản lý tiếp tục duy trì phát huy việc lưu trữ hồ sơ và công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản trong đơn vị theo quy định.

Nhân viên văn thư tiếp tục thực hiện lưu trữ và chuyển giao công văn đi - đến theo quy định.

Kế toán phối hợp với thủ quỹ tiếp tục thực hiện thu - chi, cập nhật hồ sơ sổ sách và quyết toán tài chính theo quy định.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

##### ***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch trong từng năm học [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02];

[H1-1.7-03] tổ chức thao giảng các chuyên đề trọng tâm trong từng năm học; dự giờ, bồi dưỡng giáo viên, nhân viên [H1-1.4-10], trao đổi thảo luận, rút kinh nghiệm trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của tổ [H1-1.4-03] và sinh hoạt chuyên môn của trường [H1-1.4-05]. Đồng thời cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia học tập các lớp bồi dưỡng do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức [H1-1.7-01]. Tuy nhiên, còn 01 giáo viên chưa sắp xếp được thời gian để tham gia lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị theo kế hoạch.

b) Đầu năm học, hiệu trưởng phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo trình độ chuyên môn, năng lực từng cá nhân nhằm đảm bảo hiệu quả công việc trong các hoạt động được quy định tại Chương V Điều 26, 27, 28 Điều lệ trường mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.4-04].

c) Giáo viên, nhân viên luôn được tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, các chính sách theo quy định như: chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tham quan học tập, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05]; [H1-1.7-06]. Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch khen thưởng giáo viên đạt lao động tiên tiến và được quan tâm chăm lo trong các ngày lễ tết, tham quan hè [H1-1.7-07].

#### Mức 2:

Cán bộ quản lý phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc giới thiệu, đề cử cán bộ quản lý quy hoạch; bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tổ chức chuyên đề nhằm nâng cao kỹ năng sư phạm và đổi mới phương pháp giáo dục [H1-1.2-02]; [H1-1.7-08]; [H1-1.7-09].

## **2. Điểm mạnh**

Trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội

ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phân công sử dụng hợp lý, đảm bảo các quyền theo quy định.

### **3. Điểm yếu**

Tuy nhiên, còn 02 giáo viên chưa sắp xếp được thời gian để tham gia lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị theo kế hoạch.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 02 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phân công, sử dụng hợp lý, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng tạo điều kiện thời gian cho 02 giáo viên tham gia lớp trung cấp chính trị, cử 03 giáo viên tham gia lớp cử nhân quản lý giáo dục nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển nhà trường.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trên cơ sở xác định nhiệm vụ riêng của từng năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động của trường theo năm, tháng đề ra những biện pháp chỉ đạo việc thực hiện các mặt công tác về chuyên môn [H1-1.8-01]. Phó hiệu trưởng cụ thể hóa kế hoạch năm học theo chức năng nhiệm vụ được giao. Giáo viên có

xây dựng kế hoạch giáo dục các khối lớp phù hợp với Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường theo từng độ tuổi [H1-1.8-02].

b) Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ của nhà trường, hiệu trưởng chỉ đạo 100% giáo viên các nhóm, lớp thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục theo từng lứa tuổi và thực hiện trên phần mềm Mind jet-Mind Manager như: kế hoạch năm, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần, kế hoạch ngày. Các nội dung trong kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ có sự thống nhất, đầy đủ, xuyên suốt trong quá trình thực hiện nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường và các lớp được phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và tổ trưởng chuyên môn kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-05]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chưa đạt hiệu quả cao do thời gian kiểm tra của cán bộ quản lý đối với giáo viên và nhân viên đôi lúc chưa đúng theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

## Mức 2:

Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục phối hợp với các tổ trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục theo chế độ sinh hoạt trong ngày phù hợp với trẻ ở từng lứa tuổi [H1-1.8-01]; hằng tháng, Ban Kiểm tra nội bộ của nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em thông qua việc dự giờ giáo viên [H1-1.8-03]. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh đánh giá thực hiện tốt, cụ thể có 02 giáo viên tham gia hội thi giáo viên giỏi Chu Văn An, kết quả: 01 giáo viên đạt giải khuyến khích, 01 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp quận.

## 2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đã được xây dựng theo Chương trình Giáo dục mầm non, thực hiện đầy đủ các hoạt động, chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ và thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ.

### 3. Điểm yếu

Công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chưa đạt hiệu quả cao do thời gian kiểm tra của cán bộ quản lý đối với giáo viên và nhân viên đôi lúc chưa đúng theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 02 năm 2022, cán bộ quản lý nhà trường sắp xếp thời gian khoa học hơn để việc kiểm tra kế hoạch giáo dục của giáo viên kịp thời theo đúng thời gian trong kế hoạch của trường.

Những năm học kế tiếp cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp chỉ đạo, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá để góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

#### *Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở*

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ, hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, liên quan đến quyền lợi

của cán bộ, công chức, viên chức đúng theo quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP [H1-1.9-01]. Tuy nhiên, trường còn 05 công đoàn viên ít khi tham gia đóng góp ý kiến.

b) Các hoạt động của nhà trường được thực hiện minh bạch, công khai đúng theo các quy chế, quy định, nội quy đã được bàn bạc, thảo luận và thống nhất nên không có trường hợp khiếu nại, tố cáo nào xảy ra trong nhà trường. Các kiến nghị của giáo viên về nội quy đơn vị, quy chế chi tiêu nội bộ, thang điểm thi đua được cán bộ quản lý trả lời và giải quyết kịp thời tại Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm. Việc phản ánh của cha mẹ trẻ về chăm sóc giáo dục trẻ đối với giáo viên được Hiệu trưởng trả lời và kịp thời giải quyết thỏa đáng đã làm cho giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ an tâm, tin tưởng vào tổ chức hoạt động của nhà trường; trong 05 năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

c) Hồ sơ quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện đầy đủ và báo cáo với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, Đảng ủy Phường 17 kịp thời, đúng thời gian 06 tháng đầu năm và cuối năm theo quy định [H1-1.9-03].

## Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả: công khai chế độ lương thưởng; công khai tiêu chuẩn bình chọn được tuyên dương, khen thưởng; công khai kết quả đánh giá bình xét thi đua. Hội đồng thi đua có lắng nghe và điều chỉnh theo nhận xét, góp ý của tập thể, tạo sự đồng thuận cao [H1-1.1-05]; [H1-1.9-03].

## **2. Điểm mạnh**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao ý thức tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng Quy chế dân chủ. Các hoạt động của nhà trường được thực hiện minh bạch, công khai đúng theo các quy chế, quy định, nội quy đã được bàn bạc, thảo luận và thống nhất nên không có trường hợp khiếu nại, tố cáo nào xảy ra trong đơn vị.

## **3. Điểm yếu**

05 công đoàn viên ít khi tham gia đóng góp ý kiến.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo, thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Duy trì nhà trường không có đơn thư tố cáo, nặc danh. Xây dựng khối đoàn kết nhất trí cao từ lãnh đạo đến từng giáo viên, nhân viên đảm bảo dân chủ, công bằng trong nhà trường. Tạo điều kiện, khuyến khích giáo viên - nhân viên đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

##### ***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

##### **Mức 1:**

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

##### **Mức 2:**

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Công an Phường 17 trong việc xây dựng kế hoạch và phương án đảm bảo an ninh trật tự trong trường học; tổ chức triển khai đến đội ngũ các phương án đảm bảo an toàn trường học. Định kỳ báo cáo đánh giá về công tác đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.10-01]. Để thực hiện tốt công tác đảm bảo sức khỏe cho trẻ và đội ngũ trong trường học, cán bộ quản lý đã xây dựng phương án phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-02]; phòng, chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-03]; phương án phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-04]; phòng, chống bạo lực học đường [H1-1.10-05]”.

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, số điện thoại của cán bộ quản lý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.9-02]; Nhà trường luôn đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong đơn vị thông qua việc giáo viên quản lý, theo dõi, quan sát trẻ ở mọi lúc mọi nơi; cán bộ quản lý kịp thời cải tạo, sửa chữa đồ dùng, đồ chơi, thiết bị và cơ sở vật chất trường, lớp khi có hư hỏng [H1-1.10-01].

c) Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đã được quán triệt trong các buổi họp hội đồng, họp chi bộ các văn bản quy phạm pháp luật, các chuẩn mực, đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử trong trường học, có nhận thức tốt trong giao tiếp, ứng xử nên không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường [H1-1.10-05].

### Mức 2:

a) Hằng năm nhà trường tổ chức triển khai, hướng dẫn, tập huấn diễn tập cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện các phương án: đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ như hệ thống chữa cháy vách tường, các bình xịt chữa cháy, chuông báo động cháy; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-03]; [H1-1.10-05]. Tuy nhiên, cán bộ quản lý còn hạn chế về kỹ năng tập huấn phương án phòng chống cháy nổ.



b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường, cán bộ quản lý phối hợp với Ban kiểm tra nội bộ tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của giáo viên tại lớp học [H1-1.8-03] nhằm phát hiện và kịp thời ngăn chặn các hành vi, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, cũng như theo dõi tình hình an ninh trật tự trong nhà trường. Trong 05 năm qua, nhà trường không xảy ra các hiện tượng bạo lực học đường và mất an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01]; [H1-1.10-05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các phương án đảm bảo an toàn, an ninh trật tự; phối hợp với các ban ngành đoàn thể tại địa phương đảm bảo tốt an ninh trật tự, an toàn trường học tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong 05 năm trở lại đây trường không có xảy ra trường hợp kỳ thị, vi phạm về giới và bạo lực học đường trong nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Cán bộ quản lý còn hạn chế về kỹ năng tập huấn phương án phòng chống cháy nổ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng hướng dẫn phó hiệu trưởng tiếp tục phát huy việc tổ chức phổ biến, triển khai, tập huấn, kiểm tra công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục nghiên cứu các văn bản về phòng chống cháy nổ; học kỳ II năm học 2021-2022 tổ chức mời báo cáo cáo viên của quận về tập huấn, triển khai công tác phòng, chống cháy nổ đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2019 - 2025 của Trường Mầm non 17 bám sát mục tiêu chung của bậc học mầm non và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận phê duyệt. Định kỳ hằng năm thực hiện tốt

việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh và công bố niêm yết công khai trong toàn trường Trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo qui định.

Trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Thực hiện quản lý, tổ chức các hoạt động của nhà trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận. Chi bộ lãnh đạo các đoàn thể trong nhà trường nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trong công tác quản lý tài chính, tài sản nhà trường thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chế độ thông tin báo cáo, thực hiện lưu trữ hồ sơ, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động của nhà trường, đặc biệt là chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị.

Trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phân công sử dụng hợp lý, đảm bảo các quyền theo quy định.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường.

Trong 05 năm trở lại đây trường không có xảy ra trường hợp kỷ thị, vi phạm về giới và bạo lực học đường trong nhà trường.

### **Điểm yếu cơ bản:**

Cộng đồng ở địa phương chưa tham gia vào xây dựng chiến lược phát triển cho nhà trường.

Thành viên trong Hội đồng chuyên môn còn hạn chế về kỹ năng tư vấn và phân tích vấn đề.

Công đoàn cơ sở chưa tham gia nhiều các phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ chưa đa dạng, phong phú.

Tổ văn phòng nội dung họp chưa cụ thể và chưa xoáy vào trọng tâm.

Tổ nhà trẻ, tổ văn phòng chưa đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Số trẻ ở các nhóm, lớp chưa đủ theo qui định so với Điều lệ trường mầm non.

Tuy nhiên, còn 02 giáo viên chưa sắp xếp được thời gian để tham gia lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị theo kế hoạch.

Tuy nhiên, công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chưa đạt hiệu quả cao do thời gian kiểm tra của cán bộ quản lý đối với giáo viên và nhân viên đôi lúc chưa đúng theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

Công đoàn viên ít khi tham gia đóng góp ý kiến.

Cán bộ quản lý còn hạn chế về kỹ năng tập huấn phương án phòng chống cháy nổ.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.**

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu**

Hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng có trình độ trên chuẩn, có năng lực về quản lý, chuyên môn; luôn năng động trong tổ chức, điều hành công việc; đoàn kết, thống nhất, phân công, phân nhiệm rõ ràng để cùng phối hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên đạt các yêu cầu về trình độ đào tạo theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có tinh thần học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường, của ngành. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên có ý thức trong công việc, được đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật và được đánh giá xếp loại hằng năm theo đúng quy định.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm*

được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non từ năm 1995 đến nay, thời gian làm công tác quản lý là 18 năm; Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục có thời gian công tác liên tục từ năm 1990 đến nay, thời gian làm công tác quản lý là 28 năm. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non và đã có chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục, trình độ Trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]. Tuy nhiên, tới thời điểm tự đánh giá nhà trường vẫn còn thiếu 01 Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.

b) Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng và hai Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá theo quy định chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non như sau:

|                                            | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Hiệu trưởng</b>                         | Xuất sắc             | Xuất sắc             | Khá                  | Khá                  | Khá                  |
| <b>Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục</b>   | Xuất sắc             | Xuất sắc             | Khá                  | Khá                  | Khá                  |
| <b>Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng</b> | Xuất sắc             | Xuất sắc             | Khá                  | Không có             | Không có             |

Năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự đánh giá theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non đạt mức khá [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý như: tập huấn về công tác đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định, nghiệp vụ quản lý ngạch chuyên viên, kiến thức quốc phòng - an ninh [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]. Tuy nhiên có 01 phó hiệu trưởng chưa tham gia học lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp hạng II.

#### Mức 2:

a) Trong 05 năm cán bộ quản lý đều đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng từ mức khá đến xuất sắc theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng vào tháng 8 hằng năm được bồi dưỡng, tập huấn lý luận chính trị hệ theo quy định, các buổi học Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng do Quận ủy quận Bình Thạnh và Đảng ủy Phường 17 tổ chức [H2-2.1-03]. 100% cán bộ quản lý có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường và có đủ sức khỏe, được đồng nghiệp và cha mẹ trẻ trong trường tin nhiệm [H2-2.1-04].

#### Mức 3:

Trong 05 năm qua, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng luôn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá đến xuất sắc theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non trong đó 02 năm liên tục từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2017 - 2018 đạt xuất sắc, năm học 2018 - 2019; 2019 - 2020; 2020 - 2021, tự đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức khá [H2-2.1-01].

### **2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý nhà trường đáp ứng các yêu cầu của Điều lệ trường mầm non về phẩm chất đạo đức, thời gian công tác, trình độ, năng lực nghiệp vụ quản lý để tổ chức triển khai tốt các hoạt động của trường.

### **1. Điểm yếu**

01 Phó hiệu trưởng chưa tham gia học lớp bồi dưỡng chức danh nghề

ng nghiệp hạng II.

Tuy nhiên, tới thời điểm tự đánh giá nhà trường vẫn còn thiếu 01 Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng động viên và tạo điều kiện thuận lợi cho phó hiệu trưởng tham gia lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo qui định. Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng giáo dục để bổ nhiệm Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng nhằm giúp cho đơn vị có đầy đủ Ban giám hiệu theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

##### ***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với*

*các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiện nay, nhà trường có 24 giáo viên được phân công vào 12 nhóm/ lớp, đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-04].

b) Có 22/24 giáo viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn. Trong đó có 21/24 giáo viên trên chuẩn đạt tỷ lệ 87,5%, hiện tại có 02 giáo viên đang học Đại học [H1-1.4-01]; [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

| <b>Trình độ</b>     | <b>Năm học<br/>2017-2018</b> | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> | <b>Năm học<br/>2019-2020</b> | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> | <b>Ghi chú</b> |
|---------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------|
| <b>Trên đại học</b> | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           |                |
| <b>Đại học</b>      | 18/28<br>Tỷ lệ:<br>64,28%    | 18/28<br>Tỷ lệ:<br>64,28%    | 19/27<br>Tỷ lệ:<br>70,37%    | 23/27<br>Tỷ lệ:<br>85,18%    | 21/24<br>Tỷ lệ:<br>87,5%     |                |
| <b>Cao đẳng</b>     | 05/28<br>Tỷ lệ:<br>17,85%    | 05/28<br>Tỷ lệ:<br>17,85%    | 03/27<br>Tỷ lệ:<br>11,11%    | 01/27<br>Tỷ lệ:<br>3,7%      | 01/24<br>Tỷ lệ:<br>4,1%      |                |
| <b>Trung cấp</b>    | 05/28<br>Tỷ lệ:              | 05/28<br>Tỷ lệ:              | 04/27<br>Tỷ lệ:              | 03/27<br>tỷ lệ:              | 02/24<br>Tỷ lệ:              | 02 giáo viên   |

|  |        |        |        |        |       |                                |
|--|--------|--------|--------|--------|-------|--------------------------------|
|  | 17,85% | 17,85% | 14,81% | 11,11% | 8,33% | đang học<br>Đại học<br>sư phạm |
|--|--------|--------|--------|--------|-------|--------------------------------|

c) Nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại từ đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong năm học 2020 - 2021 có 07/27 (tỷ lệ 26%) giáo viên tự đánh giá xếp loại khá, không có giáo viên xếp loại chưa đạt [H1-1.4-07].

| Năm học   | Giáo viên | Kết quả xếp loại    |                        |                     |                      |
|-----------|-----------|---------------------|------------------------|---------------------|----------------------|
|           |           | Kém                 | Trung bình             | Khá                 | Xuất sắc             |
| 2016-2017 | 29        | 00/29<br>Tỷ lệ: 00% | 00/29<br>Tỷ lệ: 00%    | 24/29<br>Tỷ lệ: 83% | 05/29<br>Tỷ lệ: 17%  |
| 2017-2018 | 28        | 00/28<br>Tỷ lệ: 00% | 00/28<br>Tỷ lệ: 00%    | 10/28<br>Tỷ lệ: 36% | 18/28<br>Tỷ lệ: 64%  |
| Năm học   | Giáo viên | Kết quả xếp loại    |                        |                     |                      |
|           |           | Chưa đạt            | Đạt                    | Khá                 | Tốt                  |
| 2018-2019 | 28        | 00/28<br>Tỷ lệ: 00% | 21/28<br>Tỷ lệ: 75%    | 07/28<br>Tỷ lệ: 25% | 00/28<br>Tỷ lệ: 00%  |
| 2019-2020 | 27        | 00/27<br>Tỷ lệ: 00% | 19/27<br>Tỷ lệ: 70,37% | 07/27<br>Tỷ lệ: 26% | 01/27<br>Tỷ lệ: 3,7% |
| 2020-2021 | 27        | 00/27<br>Tỷ lệ: 00% | 20/27<br>Tỷ lệ: 74,07% | 07/27<br>Tỷ lệ: 26% | 00/27<br>Tỷ lệ: 00%  |

Mức 2:

a) Giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo: Đại học sư phạm mầm non: 21/24 giáo viên trên chuẩn đạt tỷ lệ 87,5% [H1-1.4-04]. Tuy nhiên còn 02 giáo viên trình độ trung cấp theo học nâng chuẩn trình độ Đại học Sư phạm, trong đó dự kiến 01 giáo viên có bằng cử nhân Đại học vào tháng 5 năm 2022, 01 giáo viên có bằng cử nhân Đại học vào tháng 8 năm 2022.



b) Từ năm học 2016 - 2017, 2017 - 2018, kết quả đánh giá cụ thể như sau: năm học 2016 - 2017 có 24/29 tỷ lệ 83% theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên; năm học 2017 - 2018 có 18/28 tỷ lệ 64% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức xuất sắc. Năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021, 100% giáo viên tự đánh giá mức đạt theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-07].

c) Đội ngũ giáo viên của nhà trường luôn có ý thức trách nhiệm trong công tác, đảm bảo quy chế chuyên môn, đến thời điểm hiện nay không có trường hợp giáo viên nào bị kỷ luật [H1-1.2-03].

### Mức 3:

a) Năm học 2021 - 2022, trình độ đào tạo trên chuẩn của giáo viên vượt mức quy định: 21/24, đạt 87,5% (Đại học mầm non). Hằng năm trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ tại đơn vị để nâng mức giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo lộ trình phù hợp [H1-1.4-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 83% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, năm học 2016 - 2017, kết quả đánh giá khá đạt 83%, đánh giá xuất sắc đạt 17%; Năm học 2017 – 2018, kết quả đánh giá khá đạt 36%, đánh giá xuất sắc đạt 64% theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-07].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có 24/24 giáo viên, đủ số lượng giáo viên theo quy định, được đánh giá, xếp loại đạt trở lên theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 Ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

### 3. Điểm yếu

Còn 02 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Thông tư số 01/2021/TT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 02 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục phân công đủ số giáo viên /lớp theo quy định và thực hiện đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hằng năm. Cố gắng duy trì số lượng giáo viên được xếp loại từ khá trở lên, không có giáo viên xếp loại chưa đạt. Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên hoàn thành lớp nâng chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo lộ trình 01 giáo viên tốt nghiệp đại học vào tháng 5 năm 2022, 01 giáo viên tốt nghiệp vào tháng 8 năm 2022.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

#### ***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và

Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập gồm: 01 kế toán kiêm y tế, 01 văn thư kiêm thủ quỹ, 02 bảo vệ, 04 nấu ăn, 01 nhân viên phục vụ [H1-1.4-04].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế, chuyên môn, nghiệp vụ của từng người [H1-1.4-04].

c) Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non và theo kế hoạch, sự phân công, điều động của hiệu trưởng, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của từng bộ phận theo thời gian quy định, tích cực học tập nâng cao trình độ, giữ gìn phẩm chất cá nhân, đảm bảo an toàn cho trẻ, tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến ăn uống cho trẻ, không để xảy ra ngộ độc đối với trẻ, có lối sống đạo đức tốt, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân và các quy định của pháp luật, của ngành, các quy định của nhà trường, quyết định của hiệu trưởng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.4-04].

#### Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập gồm: 01 kế toán kiêm y tế, 01 văn thư kiêm thủ quỹ, 02 bảo vệ, 04 nấu ăn, 01 phục vụ và 04 nhân viên nuôi dưỡng [H1-1.4-04]; [H2-2.3-01]. Tuy nhiên số lượng nhân viên nuôi dưỡng chưa đủ mỗi 01 người /01 nhóm, lớp.

b) Đội ngũ nhân viên của nhà trường luôn ý thức trách nhiệm trong công việc, đảm bảo quy chế làm việc theo ký kết, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá không có trường hợp nào bị kỷ luật [H2-2.3-02].

#### Mức 3:

a) Nhân viên kế toán (kiêm y tế) có trình độ cao đẳng kế toán; 04 nhân viên nấu ăn trong đó có 01 nhân viên trình độ trung cấp nấu ăn và 03 nhân viên chứng chỉ sơ cấp nấu ăn, 02 nhân viên bảo vệ đã có chứng chỉ bồi dưỡng

ng nghiệp vụ, 01 nhân viên văn thư có trình độ trung cấp văn thư [H2-2.3-03].

b) Hằng năm, nhà trường tạo điều kiện để các nhân viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường Bồi dưỡng Giáo dục. Đội ngũ nhân viên nấu ăn được tham gia học tập, bồi dưỡng tập huấn và nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra theo quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm do nhà trường tổ chức; nhân viên bảo vệ tham gia lớp bồi dưỡng về an ninh trật tự trường học – Phòng cháy chữa cháy; nhân viên kế toán tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính do Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tổ chức; tất cả nhân viên tham gia lớp tập huấn sơ cấp cứu, phòng cháy chữa cháy do nhà trường tổ chức [H1-1.1-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ trường mầm non và theo sự phân công của hiệu trưởng, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của từng bộ phận theo thời gian quy định.

## **3. Điểm yếu**

Số lượng nhân viên nuôi dưỡng chưa đủ mỗi 01 người / 01 nhóm, lớp.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 02 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục duy trì bố trí, sử dụng các nhân viên theo định biên được giao; tạo mọi điều kiện thuận lợi để từng thành viên phát huy tốt năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ; đối với nhân viên nuôi dưỡng, hiệu trưởng tuyên truyền và dán thông báo tuyển nhân viên nuôi dưỡng cho các nhóm, lớp theo qui định.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Cán bộ quản lý nhà trường đáp ứng các yêu cầu của Điều lệ trường mầm non về phẩm chất đạo đức, thời gian công tác, trình độ, năng lực nghiệp vụ quản lý để tổ chức tốt các hoạt động của trường.

87,5% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. 83% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ trường mầm non và theo sự phân công của hiệu trưởng, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của từng bộ phận theo thời gian quy định.

### **Điểm yếu cơ bản:**

01 Phó hiệu trưởng chưa tham gia học lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp hạng II.

Còn 02 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Thông tư số 01/2021/TT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số lượng nhân viên nuôi dưỡng chưa đủ mỗi 01 người /01 nhóm, lớp.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 03/03

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/03

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

#### **Mở đầu**

Trường Mầm non 17 được xây dựng kiên cố có quy mô 03 tầng lầu, xung quanh có tường bao, cổng trường chắc chắn, biển tên trường đẹp, cây xanh trong khuôn viên trường được bố trí hài hòa, tạo cảnh quang xanh, sạch, đẹp. Các công trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập, các phòng chức năng, sân chơi, khu vực vệ sinh được xây dựng và có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động quản lý và chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống mạng, thiết bị công nghệ thông tin, đầu tư nâng cấp sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất hằng năm.

#### ***Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

Mức 1:

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non 17 được xây dựng kiên cố từ năm 2021 với quy mô 03 tầng, đủ diện tích theo qui định của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017. Tổng diện tích sàn xây dựng là 2083,3 m<sup>2</sup>, trường hiện có 187 trẻ bình quân tối thiểu tính trên mỗi trẻ là 11 m<sup>2</sup>/trẻ [H3-3.1-01].

b) Trường có khuôn viên riêng biệt, có tường rào bao xung quanh, có cổng trường và biển tên trường đúng quy định tại Chương I, Điều 5 Điều lệ trường mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), có sân chơi của nhóm, lớp sạch sẽ và an toàn; có cây xanh trong sân trường, thường xuyên được nhân viên chăm sóc, cắt tỉa; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02].

c) Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012, Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non: đồ chơi liên hoàn, thang

thăng bằng, có khu vực chơi các trò chơi vận động. Khu vực trẻ chơi được lát gạch, khu vực vận động được trải thảm. Hiên chơi có lan can diện tích tổng là 590 m<sup>2</sup>, chiều cao 1,4 m đúng theo quy định. Tất cả các loại đồ chơi đều đảm bảo an toàn [H3-3.1-03].

#### Mức 2:

a) Trường Mầm non 17 có tổng diện tích khu đất là 1,435,7 m<sup>2</sup> trong đó diện tích xây dựng công trình là 738,8 m<sup>2</sup>, diện tích sân chơi và cây xanh của trẻ là 696,9 m<sup>2</sup> đảm bảo yêu cầu theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài, 100% lớp học sử dụng hiên chơi làm sân chơi của nhóm, lớp; tuy nhiên việc bố trí đồ dùng, đồ chơi tại hiên chơi của các lớp mẫu giáo chưa được phong phú, đa dạng. Sân chơi cho trẻ có nhiều cây xanh tạo bóng mát; các loại cây xanh trong sân trường và tại các nhóm, lớp thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, thẩm mỹ; xung quanh tường rào sân trường có vườn cây cho trẻ chăm sóc; mỗi nhóm, lớp đều xây dựng góc thiên nhiên phù hợp dành riêng cho trẻ em chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ em khám phá, học tập [H3-3.1-02].

c) Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012, Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non: đồ chơi liên hoàn, thang leo, thang thăng bằng, có khu vực chơi các trò chơi vận động. Khu vực trẻ chơi được lát gạch, khu vực vận động được trải thảm [H3-3.1-03].

#### Mức 3:

Sân trường có khu vực sân chơi riêng để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển vận động dành riêng cho lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo với đầy đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời, trong đó khu vui chơi dành cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ có đồ chơi vận động liên hoàn, xe chòi chân, đồ chơi thăng bằng lượn sóng, bộ đồ chơi vật cản và các đồ chơi xe kéo, bóng...; khu vui chơi cho trẻ mẫu giáo gồm có trò chơi vận động liên hoàn, thang leo, khu chơi nước, chơi cát, bộ đồ chơi tập gym, sân chơi thiên nhiên và các đồ chơi phục vụ các trò chơi dân gian như đi cà kheo, nhảy

vòng. Ngoài ra, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục phát động giáo viên tự làm đồ chơi cho trẻ để bổ sung, thay thế các đồ chơi vận động ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ. Việc bố trí đồ dùng, đồ chơi tại hiên chơi của các lớp mẫu giáo chưa được phong phú, đa dạng [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có khuôn viên riêng biệt, thoáng mát, đủ diện tích cho trẻ hoạt động theo qui định Điều lệ trường mầm non. Diện tích sân chơi được thiết kế phù hợp, có đủ đồ chơi theo quy định đáp ứng nhu cầu cho trẻ hoạt động và khám phá.

## **3. Điểm yếu**

Việc bố trí đồ dùng, đồ chơi tại hiên chơi của các lớp mẫu giáo chưa được phong phú, đa dạng.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 4 năm 2022, cán bộ quản lý có kế hoạch tiếp tục bổ sung, tu sửa cơ sở vật chất, thiết bị đồ chơi ngoài trời theo danh mục và ngoài danh mục phục vụ cho việc tổ chức hoạt động vận động cho trẻ. Phó hiệu trưởng chuyên môn hướng dẫn giáo viên bổ sung thêm đồ chơi ô ăn quan, nhảy lò cò, đồ chơi đâm béc, đồ chơi khám phá thử nghiệm và đồ chơi phản ánh sinh hoạt tại hiên chơi của từng nhóm, lớp cho phong phú, đa dạng, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của từng nhóm, lớp.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

***Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết



*bị dạy học.*

Mức 2:

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

Mức 3:

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 17 phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Đến thời điểm tháng 02 năm 2022 chỉ sử dụng 12 phòng tương ứng với 12 nhóm, lớp theo độ tuổi [H3-3.1-01].

b) Hiện tại trường sử dụng 12 phòng sinh hoạt chung vừa làm phòng ngủ cho trẻ, có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng hoạt động nghệ thuật đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-02].

c) Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, phòng thoáng mát. Mỗi lớp đều được trang bị đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, các học liệu cần thiết cho trẻ hoạt động. Phòng giáo dục nghệ thuật và khu vực sân chơi có hệ thống đèn, quạt đầy đủ [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có 12 phòng sinh hoạt chung sạch sẽ, thoáng mát với diện tích bình quân là 58 m<sup>2</sup>/phòng, trung bình 6,5 m<sup>2</sup>/trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng mát; nền nhà lát gạch màu sáng, riêng các nhóm trẻ từ 13-36 tháng được lát sàn gỗ [H3-3.1-01].

Phòng sinh hoạt chung được trang bị bàn, ghế cho trẻ đúng quy cách, đủ cho số trẻ trong lớp; bàn, ghế, bảng cho giáo viên và thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo

quy định [H3-3.2-01]; nơi ngủ của trẻ được trang bị nệm, gối, chăn, màn, tủ đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ.

Phòng giáo dục thể chất có diện tích 60 m<sup>2</sup>, tất cả đều được sắp xếp gọn gàng nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ khi hoạt động [H3-3.2-02].

b) Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ kệ, tủ theo quy định được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng [H1-1.4-06]; [H3-3.2-01].

Mức 3:

Trường sử dụng các phòng hoạt động nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất để cho trẻ làm quen ngoại ngữ, nhịp điệu [H3-3.2-02]. Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ và tin học.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các phòng sinh hoạt chung thoáng, sạch sẽ cho trẻ và được trang bị đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo yêu cầu theo qui định Điều lệ trường mầm non. Phòng giáo dục thể chất đảm bảo yêu cầu về diện tích, ánh sáng, an toàn và được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ trong các hoạt động.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 3 năm 2022, cán bộ quản lý tiếp tục duy trì khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập hiện có trong nhà trường; cuối học kỳ 2, phó hiệu trưởng phối hợp với kế toán kiểm tra đồ dùng, thiết bị, đồ chơi trong lớp và các phòng chức năng để tham mưu hiệu trưởng thực hiện sửa chữa, duy tu, trang bị mua sắm bổ sung, thay thế những đồ dùng, thiết bị, học liệu kịp thời trong từng năm học. Hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ xây dựng kế hoạch trong 02 năm, từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2022 - 2023, vận động cha mẹ trẻ tài trợ kinh phí hoặc huy động cha mẹ trẻ hỗ trợ trang bị phòng vi tính nhằm tạo điều kiện cho trẻ được hoạt động phù hợp với nhu cầu.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị***

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có các loại phòng khối hành chính quản trị theo quy định tại Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm: văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng, phòng tài vụ, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng nghỉ cho nhân viên, khu vệ sinh, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01]. Phòng nghỉ nhân viên còn thiếu khu vực thay đồ cho nhân viên.

b) Văn phòng trường, phòng cán bộ quản lý trang bị đầy đủ các bảng biểu, bàn ghế, máy vi tính, máy chiếu, máy in, tủ hồ sơ, âm ly phục vụ cho hội họp, sinh hoạt chuyên môn. Phòng y tế có đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, có cân điện tử, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ và phác đồ sơ cấp cứu, có các loại sổ sách theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Nhà vệ sinh có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Phòng bảo vệ được trang bị

đầy đủ bàn ghế, quạt, bình chữa cháy [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

c) Khu nhà xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có khu riêng biệt nằm phía bên phải từ cổng trường đi vào nhà xe, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-03].

#### Mức 2:

a) Nhà trường có phòng hành chính với diện tích 16 m<sup>2</sup>, phòng hiệu trưởng với diện tích 16 m<sup>2</sup>, phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có diện tích 16 m<sup>2</sup>, phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có diện tích 16 m<sup>2</sup>, tất cả các phòng đều có đầy đủ các phương tiện làm việc như: tủ, bàn ghế, máy vi tính, máy in được sắp xếp gọn, ngăn nắp [H3-3.1-01]. Phòng bảo vệ được đặt ngay sát cổng chính của trường có diện tích 10,8 m<sup>2</sup>, có 21 phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Phòng y tế diện tích 46 m<sup>2</sup>, phòng nghỉ nhân viên 16 m<sup>2</sup>.

b) Khu vực nhà xe được xây đúc tại tầng 01, bố trí hợp lý, an toàn, đủ chỗ đậu xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên và thuận tiện cho bảo vệ trông coi [H3-3.3-03].

#### Mức 3:

Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính quản trị đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

### **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ các phòng khối hành chính quản trị đảm bảo diện tích và được trang bị thiết bị, đồ dùng làm việc theo đúng yêu cầu thiết kế của trường mầm non.

### **3. Điểm yếu**

Phòng nghỉ nhân viên còn thiếu khu vực thay đồ cho nhân viên.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì hiện trạng phòng hành chính - quản trị. Tháng 8 năm 2022, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung, thay thế các trang thiết bị tại văn phòng - phòng nhân viên nhằm tăng cường cơ sở vật chất trong nhà trường, có kế

hoạch trang bị và bổ sung thêm tủ - ngăn vách để làm khu vực thay đồ cho nhân viên nghỉ ngơi với tổng kinh phí 10.000.000 đồng”.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

#### ***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn***

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3:

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà bếp của trường được xây dựng kiên cố theo quy trình đảm bảo bếp một chiều hướng di chuyển của thực phẩm từ khâu sống đến khâu chín. Đồ dùng được trang bị đầy đủ: tủ sấy chén, tủ hấp cơm, tủ nhôm kính đựng đồ dùng, các loại dụng cụ nấu và các đồ dùng khác như: chén, muỗng tất cả đều được làm bằng inox [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có kho thực phẩm với tổng diện tích là 12 m<sup>2</sup>, nguồn thực phẩm được cung cấp từ những công ty có thương hiệu, uy tín, đủ tư cách pháp nhân và sử dụng hết trong ngày [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04].

c) Nhà bếp được trang bị tủ lạnh lưu mẫu theo quy định, hộp đựng mẫu lưu bằng inox, nhiệt kế; thực hiện lưu mẫu thức ăn tại bếp, được bảo quản riêng biệt với các thực phẩm khác, nhiệt độ bảo quản mẫu thức ăn lưu từ 2°C đến 8°C theo quy định của Bộ Y tế [H3-3.4-01].

## Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non với diện tích  $99 \text{ m}^2/187$  trẻ bình quân  $0,5 \text{ m}^2/\text{trẻ}$ . Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [H3-3.1-01]. Nhà bếp được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm. Có đủ nước sạch sử dụng đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định, đảm bảo việc xử lý các chất thải, phòng cháy nổ đúng theo quy định [H1-1.10-04]; [H3-3.4-05].

## Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo thông thoáng, đủ ánh sáng. Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng chất liệu inox dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ đựng thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không gây yếu tố độc hại. Có dụng cụ để bảo quản thực phẩm. Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà bông sát khuẩn. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn dư; dụng cụ đựng rác được trang bị bằng chất liệu sắt, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh [H3-3.4-01]. Tuy nhiên bếp ăn chưa được trang bị thiết bị hiện đại như máy cắt rau củ và máy cắt thịt.

## 2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Có kho để thực phẩm riêng biệt, thức ăn lưu của các bữa ăn được sắp xếp trong tủ lạnh và có ký hiệu riêng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

## 3. Điểm yếu

Bếp ăn chưa được trang bị thiết bị hiện đại như máy cắt rau củ và máy cắt thịt.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng có kế hoạch trang bị máy cắt rau củ vào học kỳ II năm học 2021 - 2022 và trang bị máy cắt thịt vào học kỳ I năm học 2022 - 2023 nhằm tăng

cường cơ sở vật chất, giảm tải cường độ lao động của nhân viên nấu ăn, đáp ứng nhu cầu phát triển hiện nay với tổng kinh phí 42.000.000đ.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

Mức 1:

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non gồm đồ dùng, thiết bị dạy học, đồ chơi và học liệu dùng cho 04 nhóm, 08 lớp (từ nhóm trẻ 13 - 18 tháng tuổi đến lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi) [H3-3.2-03]; [H3-3.5-01].

b) Nhà trường có trang bị các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục cho các lớp. Ngoài các đồ dùng, đồ chơi được trang bị, cô và trẻ còn cùng tạo ra các đồ chơi phong phú, đa dạng bằng các nguyên vật liệu mở để phục vụ cho quá

trình tổ chức hoạt động học và vui chơi. Tất cả các đồ chơi tự tạo đều mang tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Tuy nhiên, đồ chơi giáo viên tự tạo còn hạn chế chưa sử dụng được lâu, chưa phong phú về cách chơi [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản các nhóm lớp vào tháng 12 và tháng 7, từ đó xây dựng kế hoạch và kịp thời tiến hành sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phù hợp với kinh phí của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động [H1-1.4-06].

#### Mức 2:

a) Nhà trường có trang bị 05 máy vi tính trong đó 04 máy vi tính phục vụ cho công tác quản lý và 01 máy vi tính phục vụ cho hoạt động dạy học [H1-1.4-06], hệ thống máy vi tính nhà trường được kết nối mạng internet, giáo viên thực hiện tốt công tác quản lý và hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H3-3.5-03].

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non: bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp. Có tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. Có đầy đủ hệ thống đèn, quạt cho các lớp [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 [H1-1.4-06]. Các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm phù hợp với từng lứa tuổi và mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non.

#### Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường cụ thể qua việc giáo viên hướng dẫn cho trẻ chơi ở mọi lúc mọi nơi trong giờ học, giờ chơi, giờ sinh hoạt của trẻ; giáo viên giáo dục trẻ biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, tổ chức cho trẻ lau rửa đồ chơi hàng tuần, sắp xếp gọn gàng đồ chơi lên kệ sau khi chơi xong [H3-3.5-02].



## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 sử dụng có hiệu quả trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

## **3. Điểm yếu**

Đồ chơi giáo viên tự tạo còn hạn chế chưa sử dụng được lâu, chưa phong phú về cách chơi.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 02 năm 2022, cán bộ quản lý tiếp tục có kế hoạch đầu tư, mua sắm bổ sung, thay thế các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp trong từng năm học. Phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên sử dụng các nguyên vật liệu có độ bền để làm đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục cho trẻ hoạt động; giáo viên hướng dẫn trẻ bảo quản, giữ gìn đồ dùng, đồ chơi sau khi chơi xong để tránh hư hỏng.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng khép kín với phòng sinh hoạt thuận tiện cho sử dụng và quan sát; mỗi phòng vệ sinh trong lớp học có 04 bồn cầu, 02 bệ tiểu treo; khu vực rửa tay của trẻ được bố trí trong phòng vệ sinh với 04 chậu rửa /lớp, có lắp đặt đầy đủ các vòi nước; các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với chiều cao của trẻ ở từng độ tuổi; phòng chức năng cũng được bố trí nhà vệ sinh đầy đủ các thiết bị, dụng cụ; ngoài ra trong khu vệ sinh của trẻ ở mỗi lớp học còn có một nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; khu vệ sinh cho cán bộ, nhân viên được bố trí riêng biệt ở từng khu vực văn phòng, bếp, nhà vệ sinh chung dưới sân luôn sạch sẽ, khô thoáng, không ô nhiễm môi trường [H3-3.3-02]; [H3-3.6-01]. Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; sử dụng nguồn nước máy của công ty cấp nước thành phố được xét nghiệm vi sinh cho nước máy hằng năm, đảm bảo đủ nước sạch cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của giáo viên, nhân viên và trẻ. Nước sinh hoạt được cung cấp bởi công ty cấp nước Gia Định. Nước uống được nhà trường hợp đồng với công ty nước uống I-on Life có giấy chứng nhận đảm bảo nguồn nước sạch theo định kỳ 06 tháng [H3-3.4-05]; [H3-3.6-02].

c) Nhà trường có hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường dịch vụ thu gom rác bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ để chứa đựng và phân loại rác, có hệ thống thu gom rác, phân loại rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.6-03].

### Mức 2:

a) Khu vệ sinh cho trẻ, phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Nhà trường có 18 nhà vệ sinh phục vụ cho trẻ với tổng diện tích 216 m<sup>2</sup>, bình quân 1,5 m<sup>2</sup>/trẻ đảm bảo theo quy định trong đó có: bồn tiểu nữ 34, bệ tiểu treo 34; có 21 nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí phù hợp, đảm bảo yêu cầu và thuận tiện cho việc sử dụng trong đó bồn tiểu nữ là

25, 06 bộ tiểu treo [H3-3.1-03]. Tuy nhiên việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh giáo viên – nhân viên đôi khi chưa gọn gàng.

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; sử dụng nguồn nước máy của công ty cấp nước thành phố được xét nghiệm vi sinh cho nước máy hằng năm, đảm bảo đủ nước sạch cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của giáo viên, nhân viên, trẻ. Nước sinh hoạt được cung cấp bởi công ty cấp nước Gia Định. Nước uống được nhà trường hợp đồng với công ty nước uống I-on Life có giấy chứng nhận đảm bảo nguồn nước sạch theo định kỳ 06 tháng [H3-3.6-02]. Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, bố trí thùng rác đều các khu vực để đựng và phân loại rác thải hằng ngày có ký hiệu riêng, thuận tiện cho việc làm vệ sinh, khử trùng. Trường ký hợp đồng với Hợp tác xã Thống Nhất thu gom hằng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung. Không để rác, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-03].

## **2. Điểm mạnh**

Khu vực vệ sinh cho trẻ có đầy đủ các thiết bị đồ dùng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác hằng ngày không gây ô nhiễm môi trường.

## **3. Điểm yếu**

Việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh giáo viên – nhân viên đôi khi chưa gọn gàng.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 3 năm 2022, phó hiệu trưởng ban trú tiếp tục hướng dẫn giáo viên sắp xếp đồ dùng dụng cụ trong nhà vệ sinh đảm bảo phù hợp, an toàn, hợp lý cho trẻ khi sử dụng; định kỳ hàng tuần kiểm tra nhà vệ sinh của trẻ và giáo viên. Duy trì việc xét nghiệm nước, khai thông cống rãnh theo định kỳ 6 tháng/lần.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

### **Điểm mạnh nổi bật:**

Trường có diện tích, khuôn viên rộng, có sân chơi, có nhiều loại cây xanh,

có đồ chơi ngoài trời. Các phòng sinh hoạt chung có đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát. Bên cạnh đó, nhà trường còn có các phòng chức năng phục vụ cho nhu cầu học tập, vui chơi của trẻ.

Nhà trường có đủ các trang thiết bị, đồ dùng theo danh mục quy định.

Bếp ăn được tổ chức theo quy định bếp một chiều, thức ăn được lưu hàng ngày. Có kế hoạch cải tạo, tu bổ cơ sở vật chất nhà trường hàng năm. Các lớp có đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Xử lý rác thải hàng ngày, không gây ô nhiễm môi trường.

### **Điểm yếu cơ bản:**

Việc bố trí đồ dùng, đồ chơi tại hiên chơi của các lớp mẫu giáo chưa phong phú, đa dạng.

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học.

Phòng nghỉ nhân viên còn thiếu khu vực thay đồ cho nhân viên.

Bếp ăn chưa được trang bị thiết bị hiện đại như máy cắt rau củ và máy cắt thịt.

Đồ chơi giáo viên tự tạo còn hạn chế chưa sử dụng được lâu, chưa phong phú về cách chơi.

Việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh giáo viên – nhân viên đôi khi chưa gọn gàng.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06**

### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

#### **Mở đầu**

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba nhân tố quan trọng trong việc giáo dục trẻ. Nhà trường là nơi truyền đạt kiến thức cho trẻ. Gia đình là nơi trẻ luôn được yêu thương. Xã hội là môi trường thực tế, giúp trẻ hoàn thiện một số kỹ năng trong cuộc sống. Đây là mối liên kết không thể thiếu giúp trẻ phát triển toàn diện. Hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường sẽ đạt được hiệu quả cao nếu các mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội được phối hợp tốt. Chính vì lẽ đó, nhà trường luôn quan tâm đến sự phối hợp của cha mẹ trẻ; tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ

của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; tạo mối quan hệ gắn bó với các ban ngành, đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để góp sức cho nhà trường hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ trong từng năm học.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu năm học, nhà trường tổ chức họp cha mẹ trẻ của 12 nhóm /lớp, mỗi nhóm/lớp bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ. Trường tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ trẻ toàn trường và bầu ra gồm 01 trưởng ban, 01 phó ban và 03 ủy viên hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

b Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động và tạo mọi điều kiện để trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập, vui chơi, rèn luyện trong một môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện nhằm hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ em. Qua đó tăng cường mối quan hệ giữa cha mẹ học sinh với giáo viên và nhà trường [H4-4.1-01]. Tuy nhiên, một số cha mẹ trẻ chưa tham gia đóng góp ý kiến xây dựng cho nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ: Tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và họp toàn thể cha mẹ trẻ 03 lần/năm học vào đầu năm học, học kỳ I và cuối năm học thống nhất kế hoạch, nội dung phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ trẻ để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng trẻ [H4-4.1-02].

#### Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường có các biện pháp hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ thông qua các buổi họp cha mẹ trẻ của trường [H4-4.1-02].

#### Mức 3:

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường và xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, vận động tài trợ giáo dục để thực hiện các công trình trong nhà trường [H4-4.1-01].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ trẻ, hoạt động đúng theo Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ có xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học và phối hợp tốt với nhà trường với giáo viên thực hiện các mục tiêu chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng trẻ.

### **3. Điểm yếu**

Một số cha mẹ trẻ chưa tham gia đóng góp ý kiến xây dựng cho nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 5 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục phát huy hiệu quả các biện pháp tổ chức hoạt động tuyên truyền thu hút tối đa sự hợp tác, ủng hộ của cha mẹ trẻ góp phần cùng nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Vận động cha mẹ trẻ tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng nhà trường nhất là trong các buổi họp nhóm, lớp.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, cán bộ quản lý tham mưu với cấp ủy chi bộ để xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch sửa chữa cơ sở vật chất; tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo để được phê duyệt kế hoạch giáo dục trong từng năm học; đăng ký danh hiệu thi đua, hình thức thi đua đối với cá nhân, tập thể; tham mưu với Ủy ban nhân dân quận để được phê duyệt đề án vị trí việc làm, định biên, nhân sự, tài chính của nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.7-01].

b) Nhà trường có các biện pháp và hình thức để tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước,

ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: thông qua các cuộc họp của cha mẹ trẻ của lớp, bảng tuyên truyền của trường, lớp, sổ bé ngoan, sổ liên lạc hằng tháng, trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ trẻ ở giờ đón, trả trẻ, tuyên truyền phát thanh đầu giờ, trò chuyện trực tiếp giữa giáo viên - cha mẹ trẻ qua các buổi tọa đàm tại đơn vị, các buổi họp của hiệu trưởng tại Phường 17 thông tin cần thiết đến người dân trên địa bàn phường [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch phối hợp với các tổ chức, ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương và Ban đại diện cha mẹ trẻ nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường như: Cải tạo, sửa chữa trường, trang bị đồ dùng, đồ chơi cho trẻ [H4-4.1-01]; [H1-1.4-06].

#### Mức 2:

a) Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế của trường, hằng năm, hiệu trưởng chủ động trực tiếp tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 17, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, thực hiện kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H4-4.2-01]; kế hoạch xây dựng đơn vị có đời sống văn hóa tốt [H4-4.2-02].

b) Cán bộ quản lý trường phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và cha mẹ trẻ để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với điều kiện của trường và truyền thống của địa phương như: Lễ hội “Bé vui đến trường”, “Tết Trung thu”, “Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11”, “Bé vui giáng sinh”, “Tết và mùa xuân”, tham quan khu di tích, lịch sử, văn hóa tại địa phương; tuy nhiên việc tổ chức cho trẻ tham quan các khu di tích, lịch sử tại địa phương chưa được thực hiện đồng đều ở các khối tuổi [H4-4.2-03].

#### Mức 3:

Trong từng năm học, nhà trường phối hợp tốt với các các ban, ngành đoàn thể và chính quyền địa phương để xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp. Phối hợp với Trạm y tế Phường 17 và Trung tâm y tế dự phòng để chăm sóc sức khỏe cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường, thực hiện công tác



phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và đảm bảo an toàn cho trẻ; Phối hợp Công an Phường 17 trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong trường học. Trong 05 năm qua, Trường Mầm non 17 luôn được công nhận là đơn vị có đời sống văn hóa tốt, góp phần vào việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn chủ động phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục đạt chất lượng. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

## **3. Điểm yếu**

Việc tổ chức cho trẻ tham quan các khu di tích, lịch sử tại địa phương chưa được thực hiện đồng đều ở các khối tuổi.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 02 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường duy trì, củng cố những kết quả đã đạt được.

Tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch tổ chức cho trẻ ở mỗi khối tuổi lần lượt tham quan các khu di tích lịch sử tại địa phương như: Lăng Lê Văn Duyệt, Đền Hai Bà Trưng, nhà truyền thống quận để đảm bảo tất cả trẻ đều có thể biết được các di tích lịch sử tại địa phương.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo đúng Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức tại địa phương và cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc trẻ.

Cán bộ quản lý làm tốt công tác tham mưu, phối kết hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể trong việc nâng cao chất lượng chăm

sóc, giáo dục trẻ; thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

**Điểm yếu cơ bản:**

02 cha mẹ trẻ lớp mầm 2 chưa tham gia đóng góp ý kiến và xây dựng cho nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

Việc tổ chức cho trẻ tham quan các khu di tích, lịch sử tại địa phương chưa được thực hiện đồng đều ở các khối tuổi.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 02/02.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/02.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu**

Chăm sóc, giáo dục trẻ tốt giúp trẻ phát triển toàn diện là điều vô cùng quan trọng và là mục tiêu giáo dục mầm non. Để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhà trường, thì một trong các tiêu chí làm cơ sở đánh giá đó là kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ; điều đó được thể hiện qua việc trẻ có sự phát triển về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ theo mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ là mục tiêu cơ bản, nhiệm vụ hàng đầu của Trường Mầm non 17 trong những năm qua nhằm hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp 1.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục*

và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, cán bộ quản lý cụ thể hóa bằng các kế hoạch hoạt động chuyên môn theo năm, tháng, tuần. Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục mầm non. Kế hoạch được triển khai đến toàn thể các tổ chuyên môn và giáo viên trong phiên họp chuyên môn đầu năm để thực hiện và hằng tháng, học kỳ đánh giá kết quả đạt được trong thời gian qua đồng thời tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch trong thời gian tiếp theo. Giáo viên lập kế hoạch theo chương trình Mindjet - Mindmanager phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01]”.

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh. Kế hoạch giáo dục có nội dung cụ thể phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính khoa học theo nguyên tắc đi từ dễ đến khó, tính liên thông giữa các độ tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non quy định. Hằng ngày, giáo viên luôn tổ chức các hoạt động học, vui chơi, vệ sinh, ăn, ngủ giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ theo đúng kế hoạch đã đề ra

[H1-1.8-02]; [H5-5.1-02]. Tuy nhiên, 03 giáo viên mới chuyển lớp nên việc xây dựng kế hoạch chương trình giáo dục còn chung chung, chưa cụ thể với tình hình lớp.

c) Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua kiểm tra kế hoạch giáo viên, qua các tiết dự giờ đột xuất và báo trước để đánh giá rút kinh nghiệm nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời trong việc thực hiện. Hằng tháng, qua các buổi họp chuyên môn, đánh giá, rút kinh nghiệm để có hướng bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-09]; [H1-1.4-11]; [H1-1.7-08].

#### Mức 2:

a) 24/24 tỷ lệ 100% giáo viên tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng theo kế hoạch giáo dục, đảm bảo chất lượng giúp trẻ phát triển toàn diện các lĩnh vực theo đúng lứa tuổi [H1-1.8-02].

b) Nhà trường có bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.8-02].

#### Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở học tập của các nước trong khu vực đúng quy định, áp dụng hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương. Tuy nhiên, cán bộ quản lý chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trên thế giới [H2-2.1-02].

b) Hằng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua báo cáo hằng tháng và triển khai trong các buổi họp [H1-1.4-05]; [H1-1.4-11].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục của các lớp, quá đó có điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.

## 3. Điểm yếu

03 giáo viên mới chuyển lớp nên việc xây dựng kế hoạch chương trình giáo dục còn chung chung, chưa cụ thể với tình hình lớp.

Cán bộ quản lý chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trên thế giới.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 3 năm 2022, cán bộ quản lý tiếp tục hướng dẫn giáo viên đẩy mạnh thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện nhà trường, khả năng trẻ. Lồng ghép các hoạt động lễ hội phù hợp với địa phương, đảm bảo giúp trẻ phát triển toàn diện.

Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn tổ trưởng chuyên môn đề ra biện pháp khuyến khích giáo viên tích cực thảo luận, trao đổi trong các buổi họp chuyên môn, nhằm giúp giáo viên có thêm kinh nghiệm trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

### ***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

Mức 1:

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung*

*quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 3:

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Giáo viên biết dựa vào Chương trình giáo dục mầm non, mục tiêu cuối độ tuổi, bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi để lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, từ đó xây dựng giáo án với các hoạt động, phương pháp phù hợp với mục tiêu và khả năng của trẻ ở lớp. Đối với từng nhóm tuổi khác nhau, giáo viên sử dụng linh hoạt phương pháp giáo dục khác nhau như phương pháp giáo dục bằng tình cảm, phương pháp dùng lời nói, phương pháp trực quan, phương pháp thực hành, phương pháp trò chơi, phương pháp đánh giá nêu gương; trong đó chú trọng phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong mọi hoạt động của trẻ trong nhà trường nhằm tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

b) Giáo viên chú trọng xây dựng môi trường giáo dục gần gũi như gia đình, giúp trẻ thoải mái chơi và trải nghiệm từ đó phát huy khả năng cá nhân; giúp trẻ có cơ hội được tương tác với đồ dùng đồ chơi và tiếp xúc với mọi người xung quanh. Trẻ mẫu giáo được tham gia trang trí môi trường giáo dục từ sản phẩm của trẻ như treo tranh ảnh, sản phẩm do trẻ tự làm theo chủ đề; sắp xếp đồ dùng, đồ chơi gọn gàng, ngăn nắp, môi trường giáo dục được thay đổi thường xuyên theo hướng lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, vui chơi [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

c) Các hoạt động giáo dục của nhà trường được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú như: Qua giờ học, hoạt động theo chủ đề, hoạt động vui chơi trong lớp, hoạt động ngoài trời, lao động chăm sóc vườn cây, hoạt động khám phá thử nghiệm, triển lãm tranh đẹp của bé, hoạt động tham quan, dã ngoại, liên hoan, văn

nghệ, hoạt động lễ hội và tham gia các hội thi [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

#### Mức 2:

Giáo viên xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm để tổ chức cho trẻ trải nghiệm, tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. Qua các hoạt động trong ngày, giáo viên đã tận dụng hiệu quả các giáo cụ trực quan sinh động xung quanh lớp học tạo nhiều cơ hội cho trẻ tiếp thu kiến thức một cách hứng thú, tự nhiên, tích cực và hào hứng [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01]. Tuy nhiên, vẫn còn 20% giáo viên chưa biết tận dụng cơ hội để tạo tình huống cho trẻ trải nghiệm, mà thường cung cấp trước kiến thức, làm giảm hứng thú tham gia hoạt động của trẻ.

#### Mức 3:

Nhà trường luôn khuyến khích giáo viên thường xuyên đổi mới môi trường hoạt động trong và ngoài lớp học như: sắp xếp, trang trí không gian học tập của trẻ hợp lý, thân thiện đối với trẻ; các khu vực chơi được sắp xếp phù hợp, đa dạng đồ dùng đồ chơi, nguyên vật liệu đảm bảo an toàn tạo hứng thú cho trẻ hoạt động. Tổ chức cho trẻ làm việc theo đội, nhóm nhỏ và cả lớp; luôn tạo bầu không khí giao tiếp tích cực, tôn trọng, khuyến khích trẻ tham gia hoạt động, tạo cho trẻ cơ hội trao đổi, chia sẻ ý kiến, giúp đỡ lẫn nhau giúp trẻ phát triển và đạt được mục tiêu giáo dục [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức tốt môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo hướng tạo điều kiện cho trẻ vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ, tạo nhiều cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

### **3. Điểm yếu**

20% giáo viên chưa biết tận dụng cơ hội để tạo tình huống cho trẻ trải nghiệm, mà thường cung cấp trước kiến thức, làm giảm hứng thú tham gia hoạt động của trẻ.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, cán bộ quản lý tiếp tục bồi dưỡng, duy trì và phát huy nhiều hơn nữa các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, tạo cơ hội

cho giáo viên mới dự giờ học hỏi từ đồng nghiệp nhằm có thêm kinh nghiệm trong tổ chức các hoạt động vui chơi theo phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi”, tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm nhiều hơn, động viên và khuyến khích trẻ độc lập suy nghĩ, giải quyết vấn đề dựa trên khả năng của trẻ.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe***

Mức 1:

- a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*
- b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*
- c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

- a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*
- b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*
- c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch phối hợp với Trung tâm Y tế quận Bình Thạnh và Trạm Y tế Phường 17 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ 01 lần trong 01 năm học: 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, uống vắc xin và thực hiện lịch tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế, cho trẻ dưới 3 tuổi và suy dinh dưỡng uống vitamin A [H5-5.3-01].



b) 100% trẻ học tại trường được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, tỷ lệ trẻ có chiều cao, cân nặng bình thường tại trường đạt 142/142 tỷ lệ 100% [H5-5.3-01].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng thấp còi được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng qua việc bổ sung các loại thực phẩm giàu đạm như: Sữa, phô mai, yaourt. Ngoài chế độ ăn giảm chất bột, tăng cường cho trẻ ăn thêm rau luộc, 100% trẻ thừa cân béo phì được giáo viên tổ chức chơi các bài tập, trò chơi vận động sau giờ thể dục sáng. Giáo viên phối hợp với cha mẹ trẻ để tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì thông qua bản tin lớp, trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ để xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp cho trẻ khi ở nhà nhằm đảm bảo sức khỏe cho trẻ. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì có cải thiện so với đầu năm học, cụ thể như sau:

Năm học 2017 - 2018:

|                   | Suy dinh dưỡng nhẹ cân          |             |            |             | Suy dinh dưỡng thấp còi           |             |            |             | Thừa cân – Béo phì                |             |            |             |
|-------------------|---------------------------------|-------------|------------|-------------|-----------------------------------|-------------|------------|-------------|-----------------------------------|-------------|------------|-------------|
|                   | Đầu vào/<br>tổng số học<br>sinh |             | Phục hồi   |             | Đầu<br>vào/tổng<br>số học<br>sinh |             | Phục hồi   |             | Đầu<br>vào/tổng<br>số học<br>sinh |             | Phục hồi   |             |
|                   | Nhà<br>trẻ                      | Mẫu<br>giáo | Nhà<br>trẻ | Mẫu<br>giáo | Nhà<br>trẻ                        | Mẫu<br>giáo | Nhà<br>trẻ | Mẫu<br>giáo | Nhà<br>trẻ                        | Mẫu<br>giáo | Nhà<br>trẻ | Mẫu<br>giáo |
| Tổng<br>số<br>trẻ | 05/80                           | 8/290       | 04/05      | 05/08       | 01/80                             | 00          | 1/1        |             |                                   | 33/290      |            | 08/33       |
| Tỷ lệ             | 6,25                            | 2,75        | 0,8        | 62,5        | 1.25                              | 00          | 100%       |             |                                   | 11,37       |            | 24,24       |

Năm học: 2018 - 2019:

|  |                                 |     |          |     |                                |     |          |     |                                |     |          |     |
|--|---------------------------------|-----|----------|-----|--------------------------------|-----|----------|-----|--------------------------------|-----|----------|-----|
|  | Suy dinh dưỡng nhẹ cân          |     |          |     | Suy dinh dưỡng thấp còi        |     |          |     | Thừa cân – Béo phì             |     |          |     |
|  | Đầu vào/<br>tổng số học<br>sinh |     | Phục hồi |     | Đầu<br>vào/tổng số<br>học sinh |     | Phục hồi |     | Đầu<br>vào/tổng số<br>học sinh |     | Phục hồi |     |
|  | Nhà                             | Mẫu | Nhà      | Mẫu | Nhà                            | Mẫu | Nhà      | Mẫu | Nhà                            | Mẫu | Nhà      | Mẫu |

|             | trẻ   | giáo   | trẻ   | giáo  | trẻ   | giáo   | trẻ | giáo  | trẻ   | giáo   | trẻ | giáo  |
|-------------|-------|--------|-------|-------|-------|--------|-----|-------|-------|--------|-----|-------|
| Tổng số trẻ | 01/69 | 09/287 | 01/01 | 06/09 | 02/69 | 02/287 | 00  | 01/02 | 03/69 | 41/287 | 00  | 05/41 |
| Tỷ lệ       | 1,44  | 3,13   | 100   | 66,66 | 2,89  | 0,69   | 00  | 50    | 4,34  | 14,28  | 00  | 12,19 |

Năm học 2019 – 2020:

|             | Suy dinh dưỡng nhẹ cân       |          |          |          | Suy dinh dưỡng thấp còi      |          |          |          | Thừa cân – Béo phì           |          |          |          |
|-------------|------------------------------|----------|----------|----------|------------------------------|----------|----------|----------|------------------------------|----------|----------|----------|
|             | Đầu vào/<br>tổng số học sinh |          | Phục hồi |          | Đầu vào/<br>tổng số học sinh |          | Phục hồi |          | Đầu vào/<br>tổng số học sinh |          | Phục hồi |          |
|             | Nhà trẻ                      | Mẫu giáo | Nhà trẻ  | Mẫu giáo | Nhà trẻ                      | Mẫu giáo | Nhà trẻ  | Mẫu giáo | Nhà trẻ                      | Mẫu giáo | Nhà trẻ  | Mẫu giáo |
| Tổng số trẻ | 02/59                        | 04/238   | 02/02    | 03/04    | 00                           | 02/238   | 00       | 02/02    | 04/59                        | 36/238   | 01/04    | 21/36    |
| Tỷ lệ       | 3,38                         | 1,68     | 100      | 75       | 00                           | 0,84     | 00       | 100      | 6,78                         | 15,13    | 25       | 58,03    |

Năm học 2020 - 2021:

|             | Suy dinh dưỡng nhẹ cân       |          | Suy dinh dưỡng thấp còi      |          | Thừa cân – Béo phì           |          |
|-------------|------------------------------|----------|------------------------------|----------|------------------------------|----------|
|             | Đầu vào/<br>tổng số học sinh | Phục hồi | Đầu vào/<br>tổng số học sinh | Phục hồi | Đầu vào/<br>tổng số học sinh | Phục hồi |
|             | Mẫu giáo                     | Mẫu giáo | Mẫu giáo                     | Mẫu giáo | Mẫu giáo                     | Mẫu giáo |
| Tổng số trẻ | 04/175                       | 01/175   | 01/175                       | 01/175   | 25/175                       | 22/175   |
| Tỷ lệ       | 2,28                         | 0,57     | 0,57                         | 0,57     | 14,28                        | 12,57    |

[H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường đều có tổ chức những buổi thảo luận, tuyên truyền cho gia đình trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ. Cán bộ y tế trường học tuyên truyền cho các giáo viên, nhân viên về chế độ dinh dưỡng cho trẻ và các bệnh phổ biến. Phối hợp với bác sĩ tại Trung tâm dinh dưỡng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức nói chuyện chuyên đề về chủ đề: phòng bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết và bệnh viêm đường hô hấp ở trẻ. Tuy nhiên, các hoạt động tuyên truyền chưa thu hút được đông đảo cha mẹ trẻ

tham dự [H4-4.1-02]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Chế độ ăn của trẻ được xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2017 (Điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT); món ăn đa dạng, thức ăn được thay đổi theo mùa nhằm đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ phát triển [H5-5.3-03].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp: Đối với trẻ suy dinh dưỡng, bổ sung sữa, phô mai, bánh plan, tăng cường chất bột, béo vào khẩu phần ăn của trẻ [H5-5.3-03]; đối với trẻ thừa cân béo phì tổ chức cho trẻ chơi các bài tập, trò chơi vận động sau giờ thể dục sáng; tăng cường vận động cho trẻ trong các hoạt động trong ngày [H5-5.3-04]; có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ béo phì như giảm chất bột, tăng cường cho trẻ ăn thêm rau luộc vào các bữa ăn của trẻ [H5-5.3-03]; phối hợp với cha mẹ trẻ để tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng cho trẻ thông qua bản tin lớp, trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ để xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp cho trẻ khi ở nhà nhằm đảm bảo sức khỏe cho trẻ. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ có cải thiện so với đầu năm học, hằng năm có 90,5% đến 100% trẻ suy dinh dưỡng và 78,6% đến 100% trẻ béo phì không tăng cân [H5-5.3-02].

### Mức 3:

Đầu năm nhà trường thực hiện cân đo cho trẻ, số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường 142/142 đạt tỉ lệ 100% [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

## **2. Điểm mạnh**

Đảm bảo 100% trẻ được chăm sóc sức khỏe tốt, chế độ ăn cân đối hợp lý, có bổ sung thêm dinh dưỡng và luyện tập hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì.

## **3. Điểm yếu**

Chưa thu hút đông đảo cha mẹ trẻ tham dự các buổi thảo luận, tuyên truyền về thể chất và tinh thần của trẻ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, phó hiệu trưởng sẽ có các hình thức tuyên truyền phong

phụ như phát thanh đầu giờ, cuối giờ, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền bằng hình ảnh trực tiếp tại các nhóm, lớp nhằm thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ đối với sự phát triển của trẻ, đặc biệt là cung cấp thông tin cho cha mẹ trẻ về những tác hại của bệnh thừa cân béo phì, cùng cha mẹ trẻ hợp tác tốt trong việc điều chỉnh chế độ sinh hoạt cho trẻ, giúp trẻ có thể lực tốt.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần ở các lứa tuổi hằng năm như sau: [H5-5.4-01].

|              | <b>Năm học<br/>2017-2018</b> | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> | <b>Năm học<br/>2019-2020</b> | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> |
|--------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Trẻ nhà trẻ  | 91%                          | 90%                          | 90%                          | 00                           | 00                           |
| Trẻ 3-4 tuổi | 90 %                         | 92%                          | 92%                          | 92%                          | 00                           |
| Trẻ 4-5 tuổi | 91 %                         | 94 %                         | 95%                          | 94 %                         | 00                           |
| Trẻ 5-6 tuổi | 96%                          | 97 %                         | 97%                          | 97 %                         | 00                           |

Còn 10% trẻ nhà trẻ và 08% trẻ mẫu giáo đi học chưa đều trong tháng

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-02].

c) Trong 05 năm qua trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

Trong đó có các trẻ khó khăn được hỗ trợ học phí và chi phí học tập như sau:

| Nhóm/ Lớp    | <b>Năm học<br/>2017-2018</b> | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> | <b>Năm học<br/>2019-2020</b> | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> |
|--------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Trẻ nhà trẻ  | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           |
| Trẻ 3-4 tuổi | 01                           | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           |
| Trẻ 4-5 tuổi | 00                           | 01                           | 00                           | 01                           | 00                           |
| Trẻ 5-6 tuổi | 00                           | 02                           | 02                           | 01                           | 00                           |

[H5-5.4-03]

Mức 2:

a) Giáo viên phối hợp tốt với cha mẹ trẻ và quản lý trẻ hằng ngày thông qua việc: yêu cầu cha mẹ trẻ báo trước hoặc gửi đơn xin phép khi bé nghỉ học, nếu trẻ vắng không phép, giáo viên liên hệ với cha mẹ trẻ để biết lý do trẻ nghỉ học [H1-1.5-02]. Trẻ đi học chuyên cần đạt tỷ lệ cao, cụ thể: trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi đạt tỷ lệ 91%, trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi đạt tỷ lệ 93%, trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi đạt tỷ lệ 95 %. Tuy nhiên, tỷ lệ chuyên cần của nhóm trẻ từ 13-36 tháng tuổi (10%) trẻ còn yếu sức đề kháng chưa cao nên đi học hay nghỉ [H5-5.4-01].

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-02].

c) Trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.5-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-02].

b) Trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.5-02].

## **2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ trẻ hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt 100%. Trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm, giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ từ 13-36 tháng chưa cao do sức đề kháng của trẻ còn yếu (10%).

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, cán bộ quản lý sẽ tiếp tục chỉ đạo duy trì tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Phối hợp với giáo viên tăng cường công tác tuyên truyền đến cha mẹ trẻ và tổ chức nhiều hoạt động thu hút sự ham thích của trẻ khi đến trường, nhằm đảm bảo tỷ lệ chuyên cần được ổn định trong từng tháng.

Giáo viên chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tốt tạo sự an tâm cho cha mẹ trẻ khi đưa trẻ đến trường, thường xuyên điện thoại hỏi thăm trẻ khi trẻ bệnh khích lệ cha mẹ cho trẻ đi học lại ngay sau khi hết bệnh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

### **Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo đúng quy định.

Thực hiện mục tiêu nội dung giáo dục phù hợp với trẻ và điều kiện của trường.

100% trẻ được chăm sóc sức khỏe tốt, chế độ ăn cân đối hợp lý.

100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non và được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

**Điểm yếu cơ bản:**

03 giáo viên mới chuyển lớp nên việc xây dựng kế hoạch chương trình giáo dục còn chung chung, chưa cụ thể với tình hình lớp.

Cán bộ quản lý chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trên thế giới.

20% giáo viên chưa biết tận dụng cơ hội để tạo tình huống cho trẻ trải nghiệm, mà thường cung cấp trước kiến thức, làm giảm hứng thú tham gia hoạt động của trẻ.

Chưa thu hút đông đảo cha mẹ trẻ tham dự các buổi thảo luận, tuyên truyền về thể chất và tinh thần của trẻ.

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ từ 13-36 tháng chưa cao do sức đề kháng của trẻ còn yếu (10%).

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.**

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Đối chiếu với kết quả chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường, so sánh với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non; qua việc tự đánh giá Trường Mầm non 17, quận Bình Thạnh nhận thấy đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1 là: 25/25, tỷ lệ: 100%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1 là: 00/25, tỷ lệ: 00%;

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2 là: 25/25, tỷ lệ: 100%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2 là: 00/25, tỷ lệ: 00%;

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3 là: 08/19, tỷ lệ: 42,1%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3 là: 11/19, tỷ lệ: 57,9%;

Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 2.

Trường Mầm non 17, quận Bình Thạnh đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường Mầm non 17, quận Bình Thạnh. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

*Bình Thạnh, ngày 21 tháng 02 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Phạm Thị Ngọc Lan**



**Phần IV: PHỤ LỤC**  
**Bảng danh mục mã minh chứng**

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                     | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.1</b> | 1            | [H1-1.1-01]          | Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.<br>Biên bản rà soát phương hướng, chiến lược. | Giai đoạn 2019 – 2025                                                          | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 2            | [H1-1.1-02]          | Đường dẫn truy cập vào Cổng thông tin của đơn vị.                                                         | Năm học 2021 - 2022                                                            | Văn thư                                          | Văn phòng                    |
|                     | 3            | [H1-1.1-03]          | Hồ sơ tuyển sinh.                                                                                         | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 4            | [H1-1.1-04]          | Báo cáo sơ kết - tổng kết năm học.                                                                        | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 5            | [H1-1.1-05]          | Hồ sơ hội đồng trường.                                                                                    | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
| <b>Tiêu chí 1.2</b> | 1            | [H1-1.2-01]          | Quyết định thành lập hội đồng trường.                                                                     | Nhiệm kỳ 2019-2025                                                             | Chủ tịch Ủy ban nhân dân                         | Phòng hiệu trưởng            |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>           | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |              |                      |                                 |                                                                                | quận Bình Thạnh                                  |                              |
|                     | 2            | [H1-1.2-02]          | Hồ sơ tổ chức (các quyết định). | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 3            | [H1-1.2-03]          | Biên bản họp hội đồng sư phạm.  | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 4            | [H1-1.2-04]          | Hồ sơ thi đua.                  | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 5            | [H1-1.2-05]          | Hồ sơ Hội đồng chấm sáng kiến.  | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
| <b>Tiêu chí 1.3</b> | 1            | [H1-1.3-01]          | Hồ sơ Công đoàn.                | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Chủ tịch Công đoàn                               | Văn phòng                    |
|                     | 2            | [H1-1.3-02]          | Hồ sơ Chi đoàn.                 | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Bí thư Chi đoàn                                  | Văn phòng                    |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                              | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>              |
|---------------------|--------------|----------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                     | 3            | [H1-1.3-03]          | Hồ sơ khuyến học.                                  | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Chủ tịch Chi hội khuyến học                      | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục   |
|                     | 4            | [H1-1.3-04]          | Hồ sơ Chi hội chữ thập đỏ.                         | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Chủ tịch Chi hội Chữ thập đỏ                     | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 5            | [H1-1.3-05]          | Hồ sơ Chi bộ.                                      | Năm 2016 đến năm 2020                                                          | Bí thư chi bộ                                    | Phòng hiệu trưởng                         |
| <b>Tiêu chí 1.4</b> | 1            | [H1-1.4-01]          | Hồ sơ cá nhân hiệu trưởng.                         | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Văn phòng                                 |
|                     | 2            | [H1-1.4-02]          | Hồ sơ cá nhân phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục.   | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Văn phòng                                 |
|                     | 3            | [H1-1.4-03]          | Hồ sơ cá nhân phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng. | Năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 - 2020                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Văn phòng                                 |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                 | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>            |
|-----------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|                 | 4            | [H1-1.4-04]          | Hồ sơ quản lý nhân sự.                                                | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng; tổ trưởng chuyên môn                | Văn phòng                               |
|                 | 5            | [H1-1.4-05]          | Hồ sơ tổ chuyên môn.                                                  | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|                 | 6            | [H1-1.4-06]          | Sổ tài sản trường, lớp<br>Biên bản kiểm kê tài sản.                   | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|                 | 7            | [H1-1.4-07]          | Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên.                                    | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                       |
|                 | 8            | [H1-1.4-08]          | Hồ sơ đánh giá xếp loại viên chức.                                    | Năm 2017 đến năm 2021                                                          | Văn thư                                          | Văn phòng                               |
|                 | 9            | [H1-1.4-09]          | Biên bản họp tổ văn phòng.                                            | Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|                 | 10           | [H1-1.4-10]          | Kế hoạch thực hiện chuyên đề - biên bản góp ý về thực hiện chuyên đề. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|                 | 11           | [H1-1.4-11]          | Nghị quyết tổ chuyên môn.                                             | Năm học 2016 - 2017 đến                                                        | Tổ trưởng                                        | Phòng phó hiệu                          |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>             | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|--------------|----------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |              |                      |                                   | năm học 2020 - 2021                                                            |                                                  | trưởng giáo dục              |
| <b>Tiêu chí 1.5</b> | 1            | [H1-1.5-01]          | Danh sách trẻ.                    | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Văn thư                                          | Văn phòng                    |
|                     | 2            | [H1-1.5-02]          | Sổ sức khỏe trẻ<br>Sổ điểm danh   | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Kế toán                                          | Phòng tài vụ                 |
| <b>Tiêu chí 1.6</b> | 1            | [H1-1.6-01]          | Hồ sơ lưu công văn tài chính.     | Năm 2017 - 2021                                                                | Kế toán                                          | Văn phòng                    |
|                     | 2            | [H1-1.6-02]          | Hồ sơ quản lý tài chính, tài sản. | Năm 2017 - 2021                                                                | Kế toán                                          | Văn phòng                    |
|                     | 3            | [H1-1.6-03]          | Hồ sơ mua sắm và cơ sở vật chất.  | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 4            | [H1-1.6-04]          | Hồ sơ Quy chế chi tiêu nội bộ.    | Năm 2017 - 2021                                                                | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 5            | [H1-1.6-05]          | Hồ sơ công khai theo Thông tư 36. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                                          | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>                         |
|---------------------|--------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|                     | 6            | [H1-1.6-06]          | Hồ sơ Nghị quyết 03                                                                                                            | Năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 - 2021                                    | Kế toán                                          | Văn phòng                                            |
|                     | 7            | [H1-1.6-07]          | Biên bản thẩm định kiểm tra tài chính.                                                                                         | Năm 2017 - 2021                                                                | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                                          |
|                     | 8            | [H1-1.6-08]          | Danh mục các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường: IMAS, EPMIS, khẩu phần dinh dưỡng, cơ sở dữ liệu. | Năm 2017 - 2021                                                                | Văn thư, phó hiệu trưởng, kế toán                | Văn phòng, phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| <b>Tiêu chí 1.7</b> | 1            | [H1-1.7-01]          | Kế hoạch năm - tháng                                                                                                           | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                                          |
|                     | 2            | [H1-1.7-02]          | Kế hoạch thực hiện bồi dưỡng thường xuyên.                                                                                     | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục              |
|                     | 3            | [H1-1.7-03]          | Tập bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên.                                                                                      | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Giáo viên                                        | Giáo viên                                            |
|                     | 4            | [H1-1.7-04]          | Hợp đồng lao động, khám sức khỏe cán bộ - giáo viên – nhân viên.                                                               | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                                          |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                 | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>              |
|-----------------|--------------|----------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                 | 5            | [H1-1.7-05]          | Danh sách khen thưởng cá nhân đạt lao động tiên tiến. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Kế toán                                          | Phòng tài vụ                              |
|                 | 6            | [H1-1.7-06]          | Bảng lương và các khoản thu nhập khác.                | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Kế toán                                          | Phòng tài vụ                              |
|                 | 7            | [H1-1.7-07]          | Hợp đồng tham quan du lịch.                           | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2018 - 2019                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                         |
|                 | 8            | [H1-1.7-08]          | Phiếu dự giờ hoạt động dạy.                           | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục   |
|                 | 9            | [H1-1.7-09]          | Phiếu dự giờ hoạt động nuôi.                          | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                 | 1            | [H1-1.8-01]          | Kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục   |

| <b>Tiêu chí</b>      | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                              | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>            |
|----------------------|--------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.8</b>  | 2            | [H1-1.8-02]          | Kế hoạch giáo dục giáo viên.                                                       | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Giáo viên                                        | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|                      | 3            | [H1-1.8-03]          | Hồ sơ kiểm tra nội bộ                                                              | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| <b>Tiêu chí 1.9</b>  | 1            | [H1-1.9-01]          | Biên bản thảo luận Quy chế dân chủ - Quy chế chi tiêu nội bộ - Thang điểm thi đua. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                       |
|                      | 2            | [H1-1.9-02]          | Hồ sơ tiếp công dân.                                                               | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                       |
|                      | 3            | [H1-1.9-03]          | Hồ sơ Quy chế dân chủ.<br>Hồ sơ phòng chống tham nhũng.                            | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                       |
|                      | 4            | [H1-1.9-04]          | Hồ sơ hội nghị viên chức và người lao động.                                        | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Công đoàn                               |
| <b>Tiêu chí 1.10</b> | 1            | [H1-1.10-01]         | Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự trường học.                                          | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                       |



| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                          | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>              |
|---------------------|--------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                     |              |                      |                                                                                                |                                                                                |                                                  |                                           |
|                     | 2            | [H1-1.10-02]         | Phương án phòng chống tai nạn thương tích.                                                     | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 3            | [H1-1.10-03]         | Hồ sơ phòng chống dịch bệnh, phương án phòng chống ngộ độc, giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021                                    | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 4            | [H1-1.10-04]         | Phương án phòng chống cháy nổ, biên bản hình ảnh tập huấn.                                     | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2019 – 2020.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 5            | [H1-1.10-05]         | Hồ sơ phòng chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em.                                           | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| <b>Tiêu chí 2.1</b> | 1            | [H2-2.1-01]          | Hồ sơ đánh giá xếp loại Chuẩn hiệu trưởng – phó hiệu trưởng.                                   | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                         |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                     | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>              |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                     | 2            | [H2-2.1-02]          | Sổ hội họp của phó hiệu trưởng.                                           | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 3            | [H2-2.1-03]          | Giấy chứng nhận chức danh nghề nghiệp – ngạch chuyên viên.                | Năm 2021                                                                       | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                         |
|                     | 4            | [H2-2.1-04]          | Biên bản đóng góp ý kiến của giáo viên, nhân viên đối với cán bộ quản lý. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                         |
| <b>Tiêu chí 2.2</b> | 1            | [H2-2.2-01]          | Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên, nhân viên.                          | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                         |
|                     | 2            | [H2-2.2-02]          | Hồ sơ cá nhân giáo viên.                                                  | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Văn thư                                          | Văn thư                                   |
| <b>Tiêu chí 2.3</b> | 1            | [H2-2.3-01]          | Hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng                                             | Năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                         |
|                     | 2            | [H2-2.3-02]          | Biên bản đánh giá xếp loại của nhân viên.                                 | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                         |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                      | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>            |
|---------------------|--------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|                     | 3            | [H2-2.3-03]          | Hồ sơ cá nhân nhân viên.                                                                                   | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Văn thư                                          | Văn thư                                 |
| <b>Tiêu chí 3.1</b> | 1            | [H3-3.1-01]          | Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường                                                                         | Năm 2021                                                                       | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                       |
|                     | 2            | [H3-3.1-02]          | Hình ảnh biển tên trường và tường rào.<br>Hình ảnh phòng nghệ thuật.<br>Hình ảnh khu vực sân chơi của trẻ. | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, giáo viên     | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|                     | 3            | [H3-3.1-03]          | Hình ảnh sân chơi và lan can các lầu.                                                                      | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, giáo viên     | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| <b>Tiêu chí 3.2</b> | 1            | [H3-3.2-01]          | Hình ảnh kệ - bàn, ghế nhóm/lớp.                                                                           | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, giáo viên     | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                    | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>            |
|---------------------|--------------|----------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|                     | 2            | [H3-3.2-02]          | Hình ảnh phòng giáo dục thể chất.                        | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, giáo viên     | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|                     | 3            | [H3-3.2-03]          | Hình ảnh tủ kệ gối – giỏ - dép.                          | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, giáo viên     | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| <b>Tiêu chí 3.3</b> | 1            | [H3-3.3-01]          | Hình ảnh khu hành chính quản trị, phòng y tế.            | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|                     | 2            | [H3-3.3-02]          | Hình ảnh nhà vệ sinh giáo viên nhân viên - phòng bảo vệ. | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|                     | 3            | [H3-3.3-03]          | Hình ảnh nhà xe cán bộ, giáo viên, nhân viên.            | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                        | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>              |
|---------------------|--------------|----------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 3.4</b> | 1            | [H3-3.4-01]          | Hình ảnh nhà bếp.                            | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 2            | [H3-3.4-02]          | Sổ 3 bước.                                   | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 3            | [H3-3.4-03]          | Hình ảnh kho thực phẩm.                      | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 4            | [H3-3.4-04]          | Hợp đồng thực phẩm.                          | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 5            | [H3-3.4-05]          | Phiếu xét nghiệm nước.<br>Hóa đơn tiền nước. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Kế toán                                          | Kế toán                                   |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                 | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>              |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 3.5</b> | 1            | [H3-3.5-01]          | Danh mục thiết bị đồ chơi tối thiểu.                                                  | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục   |
|                     | 2            | [H3-3.5-02]          | Hình ảnh đồ dùng – đồ chơi tự làm.                                                    | Năm học 2021 - 2022                                                            | Giáo viên                                        | Giáo viên                                 |
|                     | 3            | [H3-3.5-03]          | Hóa đơn tiền Internet.                                                                | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Kế toán                                          | Kế toán                                   |
| <b>Tiêu chí 3.6</b> | 1            | [H3-3.6-01]          | Hình ảnh nhà vệ sinh nhóm/lớp.                                                        | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 2            | [H3-3.6-02]          | Hợp đồng nước sinh hoạt, nước uống I – on Life.                                       | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                         |
|                     | 3            | [H3-3.6-03]          | Hợp đồng thu gom rác<br>Hình ảnh khu vực tập kết rác, các thùng rác trong sân trường. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                         | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>            |
|---------------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 4.1</b> | 1            | [H4-4.1-01]          | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ.                | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Ban đại diện cha mẹ trẻ                          | Phòng hiệu trưởng                       |
|                     | 2            | [H4-4.1-02]          | Biên bản họp nhóm/lớp với cha mẹ trẻ.         | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Giáo viên                                        | Phòng hiệu trưởng                       |
| <b>Tiêu chí 4.2</b> | 1            | [H4-4.2-01]          | Văn bản tham mưu, phối hợp với cấp trên.      | Năm học 2020 – 2021.                                                           | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                       |
|                     | 2            | [H4-4.2-02]          | Hồ sơ văn hóa.                                | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                       |
|                     | 3            | [H4-4.2-03]          | Hình ảnh lễ hội.                              | Năm học 2020 - 2021                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| <b>Tiêu chí 5.1</b> | 1            | [H5-5.1-01]          | Sổ họp chuyên môn giáo viên.                  | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Giáo viên                                        | Giáo viên                               |
|                     | 2            | [H5-5.1-02]          | Biên bản rút kinh nghiệm của phó hiệu trưởng. | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục.               | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                           | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>              |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 5.2</b> | 1            | [H5-5.2-01]          | Hình ảnh môi trường trong và ngoài lớp.                                         | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, giáo viên     | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục   |
|                     | 2            | [H5-5.2-02]          | Hình ảnh sản phẩm của trẻ.                                                      | Năm học 2020 - 2021                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, giáo viên     | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục   |
| <b>Tiêu chí 5.3</b> | 1            | [H5-5.3-01]          | Hồ sơ khám sức khỏe trẻ.                                                        | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 2            | [H5-5.3-02]          | Sổ lưu cân – hồ sơ theo dõi sức khỏe trẻ.                                       | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 3            | [H5-5.3-03]          | Hình ảnh bác sĩ khám sức khỏe cho trẻ.<br>Hình ảnh thực đơn trong ngày của trẻ. | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm                             | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |



| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                       | <b>Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>              |
|---------------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                     |              |                      |                                                                             |                                                                                | sóc nuôi dưỡng                                   |                                           |
|                     | 4            | [H5-5.3-04]          | Hình ảnh vận động cho trẻ thừa cân, béo phì.                                | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục   |
| <b>Tiêu chí 5.4</b> | 1            | [H5-5.4-01]          | Sổ theo dõi trẻ bệnh.                                                       | Năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.                                   | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng              | Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 2            | [H5-5.4-02]          | Giấy chứng nhận trẻ 5 tuổi.<br>Phiếu đánh giá trẻ theo bộ Chuẩn trẻ 5 tuổi. | Năm học 2021 - 2022                                                            | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Giáo viên                                 |
|                     | 3            | [H5-5.4-03]          | Hồ sơ miễn giảm học phí.                                                    | Năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 – 2022.                                   | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng                         |